



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**



# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 8/2024





## MỤC LỤC



<b>PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI</b>	<b>1</b>
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 7/2024	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	8
<b>PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM</b>	<b>9</b>
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 7/2024	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	10
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	11
1.1.4. Hoạt động đầu tư	12
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	13
1.1.6. Lạm phát	14
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	15
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	15
1.2.2. Lãi suất	16
1.2.3. Tỷ giá	16
1.2.4. Chỉ số giá vàng	17
1.2.5. Chứng khoán	18
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	19
2.1. Về chủ trương, chính sách	19
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	22
<b>PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO</b>	<b>24</b>
1. Thị trường dầu thô	24
2. Thị trường khí	30
3. Thị trường phân bón	33
4. Thị trường điện	36
<b>PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>39</b>
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 7 năm 2024</i>	<i>40</i>



PHẦN I

## KINH TẾ THẾ GIỚI

### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 7/2024

#### 1.1. Tổng quan chung

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu tháng 7/2024 đạt 49,7 điểm, giảm 1,1 điểm so với tháng 6/2024 (50,8 điểm), lần đầu tiên trong năm 2024 giảm xuống dưới mức trung tính.

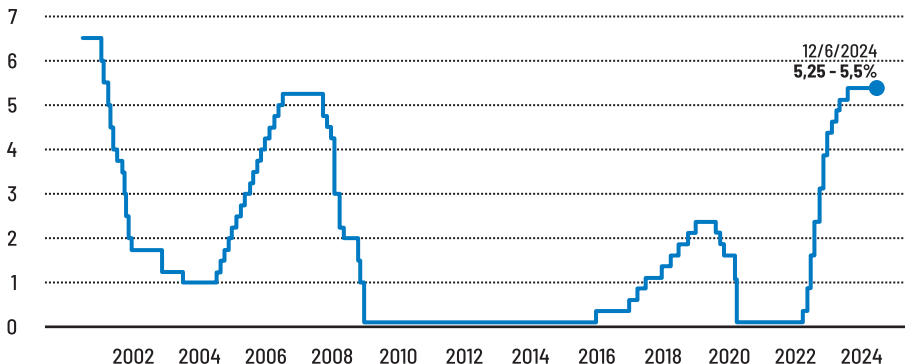
Ngành sản xuất toàn cầu sụt giảm tăng trưởng vào tháng 7/2024, mức sản lượng tăng trưởng ở mức yếu nhất trong chuỗi tăng bảy tháng. Sự sụt giảm phản ánh việc mở rộng yếu ở Mỹ và Trung Quốc, suy thoái đang diễn ra ở khu vực đồng euro và sự suy giảm trở lại ở Nhật Bản. Lượng đơn đặt hàng mới giảm cũng là một yếu tố chính dẫn đến sự mở rộng yếu hơn.

Mặc dù vậy trong tháng 7, kinh tế thế giới nói chung có mức tăng trưởng tương đối ổn định, tuy nhiên mức độ phục hồi có sự phân hóa rõ rệt giữa các khu vực. Tăng trưởng ở các nền kinh tế phát triển như Mỹ và Trung Quốc có xu hướng chậm lại, trong khi châu Âu, Ấn Độ và các nền kinh tế mới nổi châu Á lại có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ hơn. Bên cạnh đó, lạm phát toàn cầu đã có dấu hiệu cải thiện khi nhiều nền kinh tế đã có xu hướng nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng và kiểm soát lạm phát.

Trong khi Fed chưa có động thái thay đổi chính sách lãi suất thì một loạt các ngân hàng trung ương lớn như Ngân hàng trung ương Anh (BoE), Ngân hàng Trung ương Canada (BoC), Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC)... đều đã quyết định cắt giảm lãi suất. Động thái này không chỉ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại mỗi quốc gia mà còn giúp ổn định thị trường tài chính toàn cầu.

#### FED CHƯA TĂNG LÃI SUẤT 7/2024

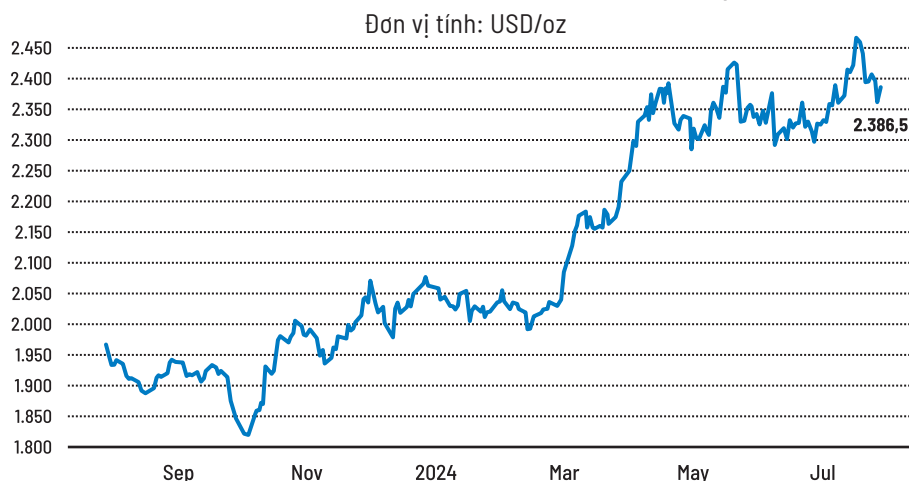
Đơn vị tính: %



Nguồn: Fed

Đáng chú ý, trong tháng qua, giá vàng thế giới tuy có nhiều biến động nhưng vẫn tiếp tục xu hướng tăng mạnh. Giá vàng trong tháng đã có lúc đạt mức cao nhất mọi thời đại là 2.483,60 USD/ounce, nhờ vào kỳ vọng Mỹ sẽ nới lỏng chính sách tiền tệ trong năm nay. Ngoài ra, nhu cầu tích trữ vàng ngày một gia tăng tại các thị trường lớn như Ấn Độ và Trung Quốc cũng góp phần đẩy giá vàng lên cao.

### DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI TRONG 6 THÁNG QUA



Nguồn: Trading Economics

Mặc dù có nhiều dấu hiệu khả quan, nền kinh tế toàn cầu vẫn đang đối diện với hàng loạt rủi ro tiềm ẩn. Một trong những thách thức lớn nhất là tình trạng nợ công toàn cầu ngày càng gia tăng, khiến nhiều quốc gia đối mặt với nguy cơ vỡ nợ và thâm hụt ngân sách nghiêm trọng. Thêm vào đó, giá năng lượng và hàng hóa liên tục leo thang gây áp lực lên tình trạng lạm phát toàn cầu. Đồng thời, những thách thức đến từ xung đột địa chính trị, biến đổi khí hậu và tình trạng bất ổn tài chính cũng gây ra nhiều tác động tiêu cực đến sự tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu.

## 1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

### ▪ Mỹ

Kinh tế Mỹ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng vững chắc, hoạt động kinh doanh tại Mỹ đã tăng lên mức cao nhất trong hơn 2 năm qua, nhưng các doanh nghiệp dường như gặp khó khăn trong việc duy trì mức giá cao cho hàng hóa và dịch vụ, trong bối cảnh người tiêu dùng phản đối do lo ngại lạm phát gia tăng. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tổng hợp theo dõi các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ của Mỹ đã tăng 0,2 điểm so với tháng trước lên mức 55,0 trong tháng 7, mức cao nhất kể từ tháng 4/2022.

*Chỉ số PMI sản xuất tháng 7/2024 giảm mạnh 2 điểm so với tháng 6/2024 (51,6 điểm) xuống mức 49,6 điểm, báo sự suy giảm nhẹ của ngành sản xuất. Nguyên nhân chính khiến tình hình kinh doanh chung xấu đi là do đơn đặt hàng mới giảm mạnh nhất từ đầu năm 2024 cho đến nay, nhu cầu thị trường nói chung đang chậm lại.*

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2024

### BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CÁ NHÂN MỸ 2024

#### Change From Month One Year Ago

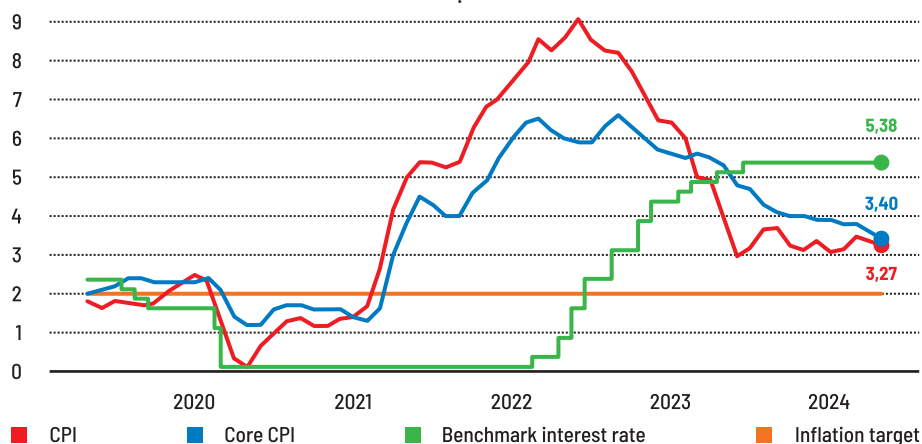
June 2024	+2,5%
May 2024	+2,6%
April 2024	+2,7%
March 2024	+2,7%

Nguồn: BEA

Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) - hầu như không thay đổi thời gian qua là một phần lý do khiến Fed giữ nguyên lãi suất và lùi thời điểm bắt đầu cắt giảm lãi suất. Theo các dự báo hiện tại, nếu dữ liệu lạm phát giảm mạnh hoặc tỷ lệ thất nghiệp tăng vọt trong thời gian tới, thì việc cắt giảm có thể sẽ không bắt đầu cho đến tháng 12/2024.

### LẠM PHÁT VÀ LÃI SUẤT MỸ GIAI ĐOẠN 2020-2024

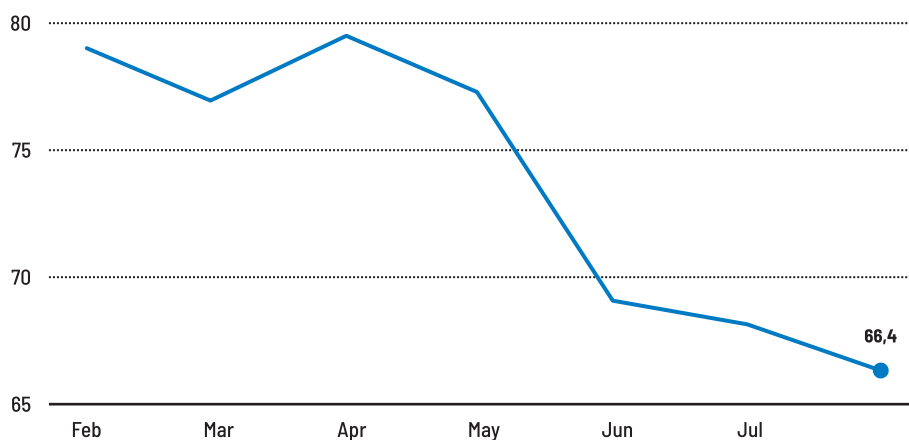
Đơn vị tính: %



Nguồn: BEA

Ngoài ra, chỉ số giá trung bình cho hàng hóa và dịch vụ trong tháng 7 tại Mỹ đã giảm xuống 53,1 từ mức 53,8 của tháng trước, đây là mức thấp nhất kể từ tháng 1/2024 và là mức phù hợp với mục tiêu lạm phát 2% của Cục Dự trữ Liên bang (Fed). Trong khi đó, những lo lắng về lạm phát sẽ kéo dài dai dẳng vẫn tiếp tục đè nặng lên tâm lý người dân Mỹ khiến chỉ số niềm tin tiêu dùng Mỹ trong tháng qua đã giảm xuống 66,4 từ mức 68,2 của tháng trước, rơi xuống mức thấp nhất kể từ đầu năm đến nay.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ NIỀM TIN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG MỸ TRONG 6 THÁNG QUA



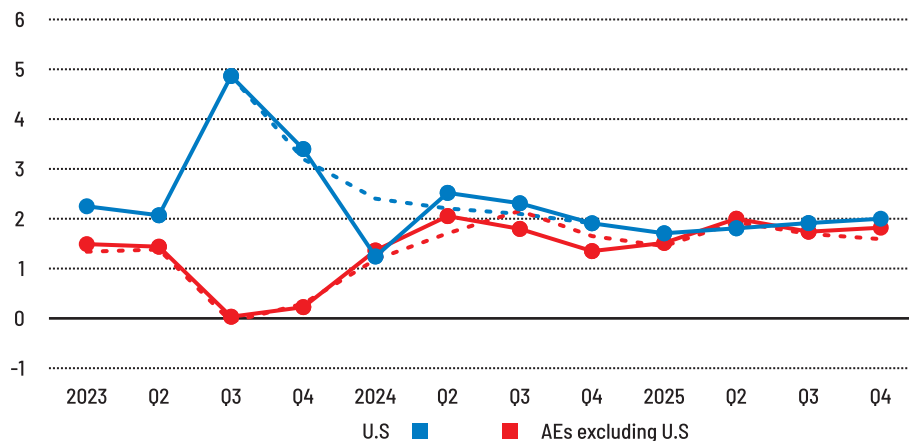
Nguồn: Conference Board

Bên cạnh đó, nền kinh tế Mỹ vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt là giá năng lượng và giá nhà ở đang tăng nhanh là nguyên nhân chính dẫn đến việc việc sở hữu nhà và duy trì cuộc sống trở nên đắt đỏ hơn. Thêm vào đó, những yếu tố khác như tình trạng nợ công ngày càng nghiêm trọng và những biến động bất thường từ thị trường tài chính cũng đang đe dọa đến sự phát triển bền vững và ổn định của nền kinh tế Mỹ.

Dự báo về triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ trong năm nay, trong báo cáo ngày 16/7, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2024 còn 2,6%, giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 4 và tăng trưởng dự kiến sẽ chậm lại ở mức 1,9% vào năm 2025 khi chính sách tài khóa bắt đầu thắt chặt dần dần.

DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ MỸ GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

Đơn vị tính: %



Nguồn: IMF

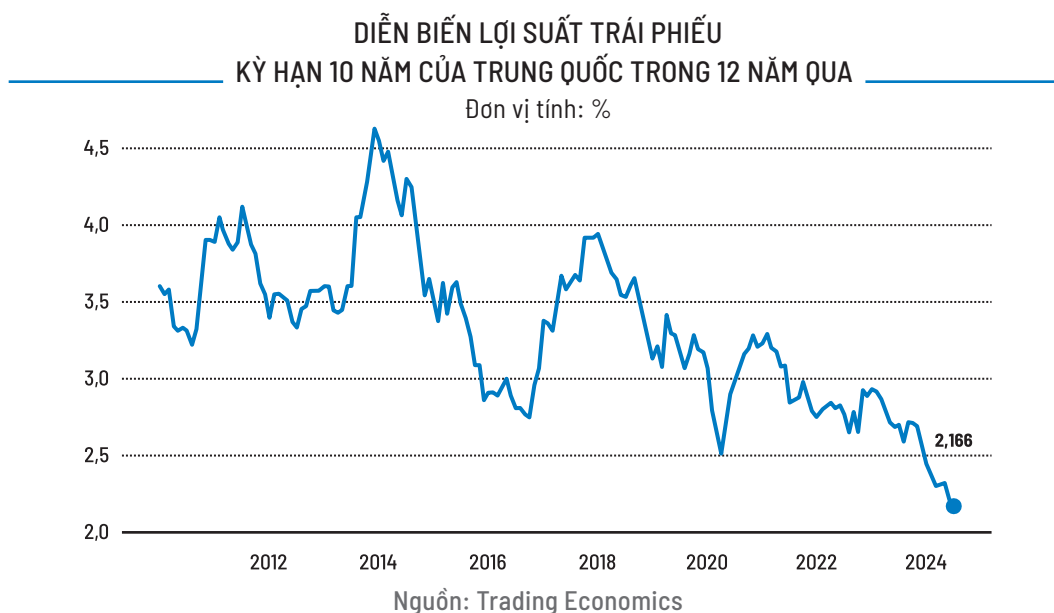


### ▪ Trung Quốc

PMI sản xuất tháng 7/2024 đã giảm 2 điểm, xuống 49,8 điểm so với tháng 6/2024 (51,8 điểm), xuống dưới mức trung tính, báo hiệu điều kiện trong lĩnh vực sản xuất xấu đi lần đầu tiên sau chín tháng, mặc dù không đáng kể. Tăng trưởng sản lượng sản xuất là chậm nhất trong chuỗi chín tháng kể từ đầu năm 2024, do đơn đặt hàng mới giảm lần đầu tiên trong vòng một năm.

Trong tháng 7, kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng chậm và không đồng đều giữa các lĩnh vực, nhu cầu trong nước và chi tiêu của người tiêu dùng vẫn hạn chế do chịu tác động từ tình trạng suy thoái bất động sản kéo dài và thị trường việc làm khó khăn.

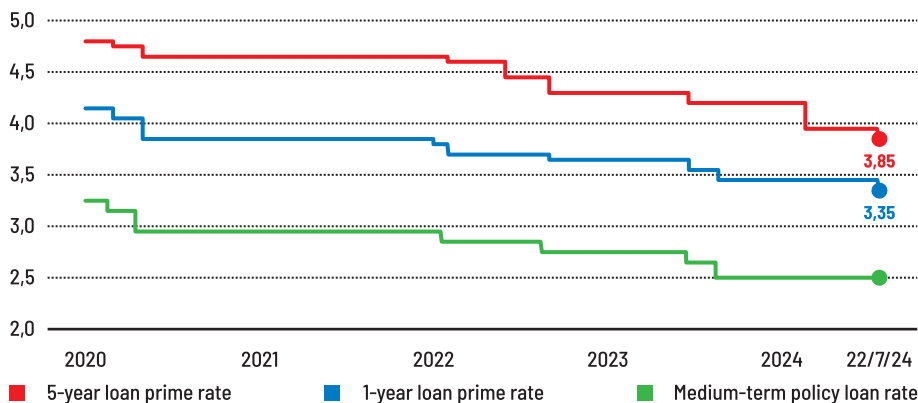
Trong bối cảnh này, các nhà đầu tư Trung Quốc đang chuyển hướng đầu tư và đổ tiền vào trái phiếu chính phủ Trung Quốc, điều này đã đẩy giá trái phiếu lên cao và lợi suất xuống mức thấp kỷ lục. Trong tháng qua, lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm của Trung Quốc đã chạm mức 2,18%, mức thấp nhất trong 10 năm qua, điều này có thể đẩy nhanh dòng vốn chảy ra và dẫn đến sự sụp đổ của các tổ chức tài chính.



Trước những áp lực từ nền kinh tế và nguy cơ giảm phát ngày càng lớn, ngày 22/7, Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) đã thông báo cắt giảm lãi suất cho vay cơ bản kỳ hạn 1 năm từ mức 3,45% xuống 3,35%, kỳ hạn 5 năm cũng giảm từ 3,95% xuống 3,85% nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy tiêu dùng, đầu tư sản xuất.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT CHO VAY  
CỦA NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC TỪ NĂM 2020 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: %



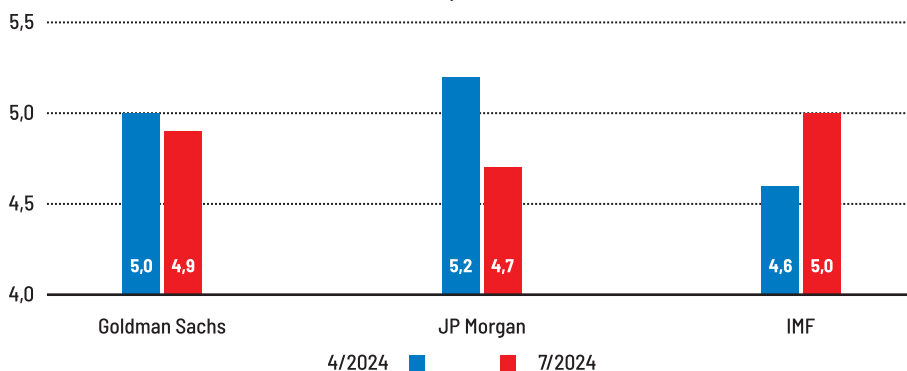
Nguồn: PBOC

Bên cạnh đó, trong nỗ lực nhằm thúc đẩy phục hồi kinh tế, chính phủ Trung Quốc ngày 25/7 thông báo sẽ phân bổ 300 tỷ Nhân dân tệ (NDT), tương đương 41,4 tỷ USD thông qua việc phát hành trái phiếu chính phủ siêu dài hạn để hỗ trợ chương trình đổi mới hàng tiêu dùng cho người dân và nâng cấp trang thiết bị cho các chính quyền địa phương thiếu tiền mặt. Toàn bộ 300 tỷ NDT sẽ được giải ngân trước cuối tháng 8/2024.

Về thông tin dự báo, các tổ chức có quan điểm không đồng nhất triển vọng kinh tế của Trung Quốc trong thời gian tới. Theo dữ liệu được công bố ngày 15/7, ngân hàng Goldman Sachs đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Trung Quốc xuống 4,9% từ mức 5,0% sau khi dữ liệu cho thấy nền kinh tế nước này đã chậm lại trong quý II/2024. Đồng quan điểm kém lạc quan về kinh tế Trung Quốc trong năm nay với Goldman Sachs, trong tháng 7, tổ chức tài chính JP Morgan cũng đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc xuống 4,7% so với dự báo trước đó là 5,2% trong năm 2024. Trong khi đó, ngày 16/7, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Trung Quốc lên 5% so với mức 4,6% trong dự báo hồi tháng 4. Theo IMF, sự phục hồi của tiêu dùng tư nhân và xuất khẩu mạnh sẽ giúp kinh tế Trung Quốc tăng trưởng bền vững trong năm nay.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TRUNG QUỐC NĂM 2024

Đơn vị tính: %



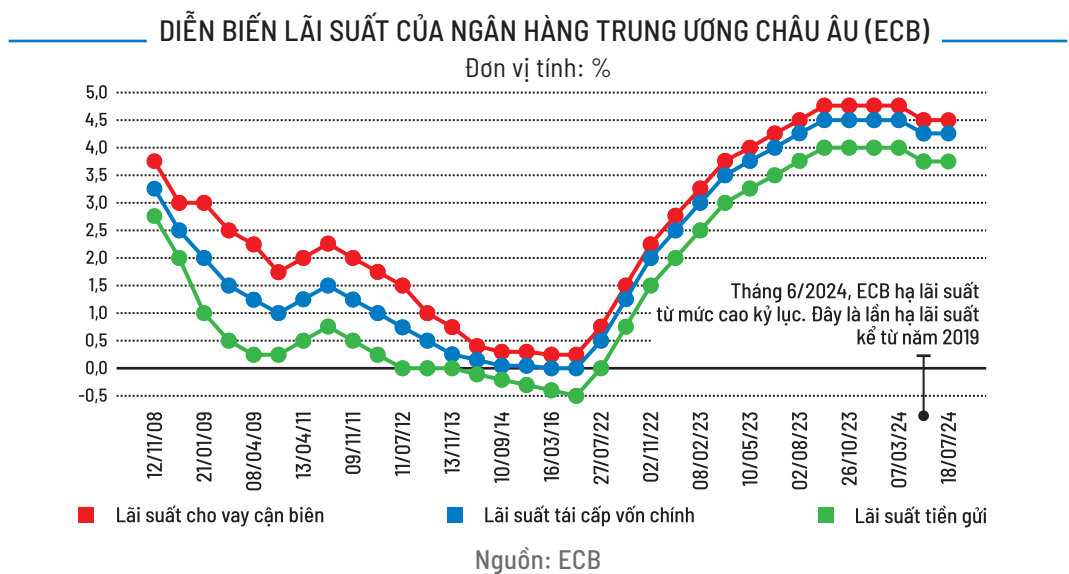
Nguồn: IMF



▪ EU

Hoạt động kinh doanh tại khu vực eurozone đã chững lại trong tháng 7/2024, với mức tăng trưởng của ngành dịch vụ không đủ mạnh để bù đắp cho sự suy giảm của hoạt động sản xuất. *Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất đạt 45,8 điểm, không thay đổi so với tháng 6/2024. Sản lượng giảm mạnh nhất kể từ đầu năm 2024 đến nay* trong khi chi phí sản xuất tiếp tục tăng.

Ngày 18/7, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã quyết định không thay đổi lãi suất chính sách, giữ lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cho vay cận biên và lãi suất tiền gửi tại ECB lần lượt ở mức 4,25%, 4,75% và 3,75%. Quyết định này phản ánh nỗ lực của ECB trong việc duy trì ổn định tài chính và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh lạm phát cao và tăng trưởng kinh tế yếu.



Ngoài ra, khu vực châu Âu đang đối mặt với một loạt thách thức kinh tế phức tạp, từ suy giảm sản xuất, niềm tin tiêu dùng thấp, đến giá cả hàng hóa và dịch vụ cao gây áp lực lên chi tiêu tài chính của người dân khiến họ có xu hướng thắt chặt chi tiêu, làm giảm nhu cầu tổng thể và kìm hãm sự phục hồi kinh tế.

Trong bối cảnh kinh tế châu Âu có nhiều biến động khó lường, các dự báo tăng trưởng từ các tổ chức quốc tế cũng cho thấy một triển vọng khá khiêm tốn cho khu vực này. Ngày 16/7, IMF dự báo nền kinh tế châu Âu được dự báo tăng trưởng ở mức 0,9% trong năm 2024. Bên cạnh đó, theo báo cáo được Reuters công bố trong tháng qua, kinh tế Eurozone được dự báo tăng trưởng trung bình ở mức 0,7% trong năm 2024 và 1,4% vào năm 2025.

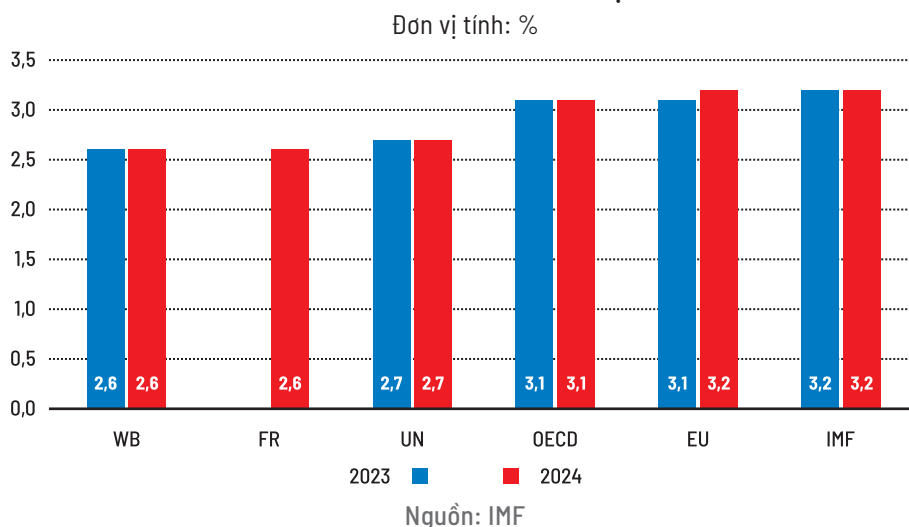
## 2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng qua, các tổ chức quốc tế đều đưa ra những dự báo tăng trưởng tích cực cho kinh tế toàn cầu trong năm nay. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng sẽ không đồng đều và khó trở lại mức trước đại dịch COVID-19.

Ngày 10/7, *Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm nay lên 2,9% so với 2,8% trong báo cáo tháng trước, nhưng vẫn giữ nguyên dự báo trước đó về mức tăng trưởng 2,9% vào năm 2025.* Theo đó, OPEC cho rằng đà tăng trưởng ở các nền kinh tế lớn vẫn ổn định trong nửa đầu năm 2024 và xu hướng này có thể sẽ tiếp tục trong những tháng tới.

Bên cạnh đó, với quan điểm thận trọng hơn, ngày 16/7, *Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo nền kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng 3,2% trong năm 2024, không thay đổi so với dự báo hồi tháng 4 năm nay và sẽ đạt mức tăng trưởng 3,3% vào năm 2025,* trong bối cảnh kinh tế thế giới phải đối mặt với rủi ro tiềm ẩn từ lạm phát và nguy cơ gia tăng căng thẳng thương mại cũng như địa chính trị.

TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU NĂM 2023 VÀ DỰ BÁO NĂM 2024





PHẦN II

## KINH TẾ VIỆT NAM

### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 7/2024

#### 1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

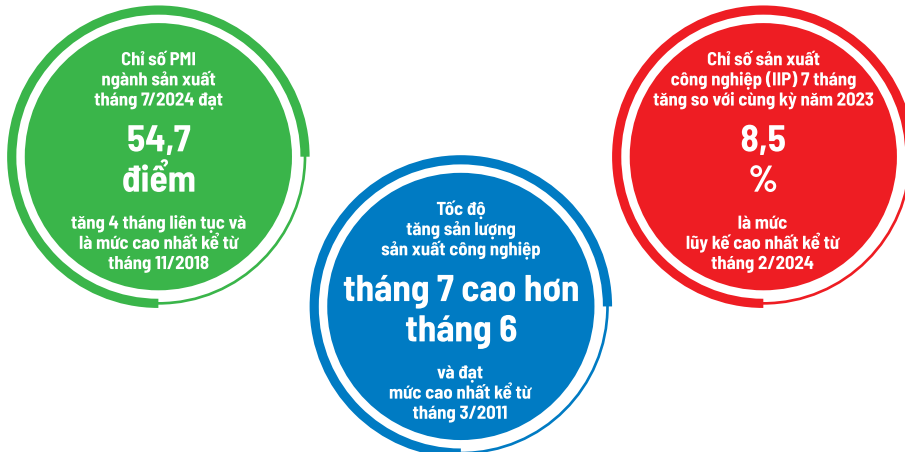
##### 1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Bảy và bảy tháng của nước ta *duy trì xu hướng tích cực*, các ngành, lĩnh vực đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo đà tăng trưởng cho các tháng, quý tiếp theo.

*Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 7/2024 không thay đổi khi đạt 54,7 điểm*, cho thấy các điều kiện kinh doanh của ngành tiếp tục duy trì mức cải thiện. Tốc độ tăng sản lượng đã nhanh hơn so với tháng 6/2024 và là mức nhanh thứ hai được ghi nhận, chỉ sau mức của tháng đầu tiên thu thập dữ liệu là tháng 3/2011.

Sản xuất công nghiệp tháng 7/2024 duy trì đà tăng trưởng tích cực, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7/2024 ước tính tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 13,3%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,9%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 12,1%; riêng ngành khai khoáng giảm 7,0%.

#### SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÁNG 7/2024 DUY TRÌ ĐÀ TĂNG TÍCH CỰC



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 0,8%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5% (cùng kỳ năm 2023 giảm 1,2%), đóng góp 8,2 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,4% (cùng kỳ năm 2023 tăng 1,4%), đóng góp 1,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,2% (cùng kỳ năm 2023 tăng 5,2%), đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 6,2% (cùng kỳ năm 2023 giảm 2,0%), làm giảm 0,9 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

### 1.1.2. Xuất nhập khẩu

#### ▪ *Xuất khẩu hàng hóa*

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 7/2024 ước đạt 35,92 tỷ USD, tăng 6,7% so với tháng trước và tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 226,98 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 63,08 tỷ USD, tăng 21,1%, chiếm 27,8% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 163,9 tỷ USD, tăng 13,8%, chiếm 72,2%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 199,94 tỷ USD, chiếm 88,1%.

#### ▪ *Nhập khẩu hàng hóa*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2024 ước đạt 33,8 tỷ USD, tăng 11% so với tháng trước và tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 212,9 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 78 tỷ USD, tăng 21,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 134,9 tỷ USD, tăng 16,9%.

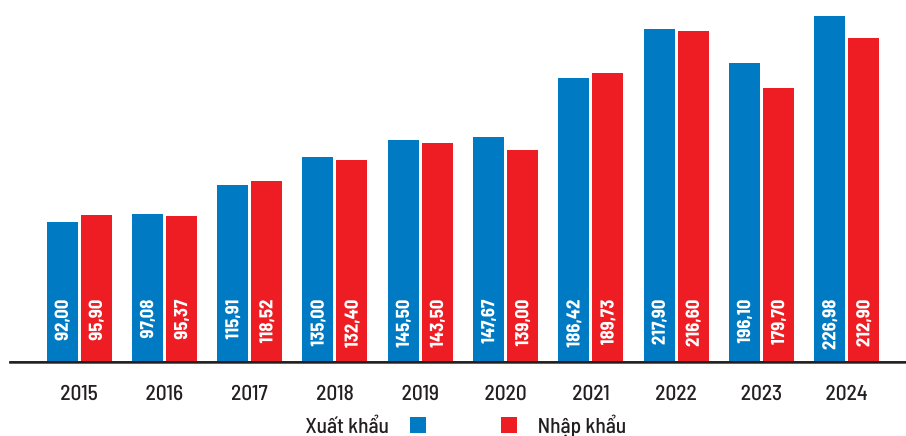
Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước đạt 199,88 tỷ USD, chiếm 93,9%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 7/2024 ước tính xuất siêu 2,12 tỷ USD. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 14,08 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 16,5 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 14,92 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 29 tỷ USD.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2024

### KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU 7 THÁNG QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 7/2024, cả nước có 14,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 6,3% so với tháng 6/2024 và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có hơn 6,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 26,2% so với tháng trước và giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2023; có 6.837 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 26,2% và giảm 0,7%; 7.035 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 30,2% và tăng 33,8%; có 1.730 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 22,4% và tăng 9,4%.

### ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 7 THÁNG NĂM 2024 SO CÙNG KỲ NĂM 2023



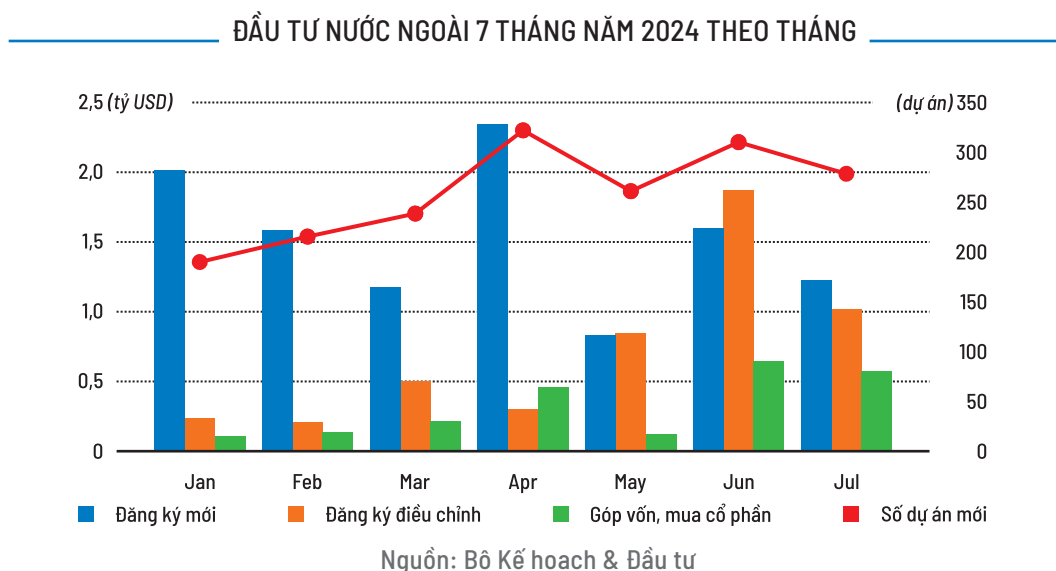
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, cả nước có 139,5 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước tiếp tục được các Bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh thực hiện. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7/2024 ước đạt 57,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với tháng trước và giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 301,5 nghìn tỷ đồng, bằng 40,6% kế hoạch năm và tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 bằng 40,2% và tăng 23,6%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/7/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 18 tỷ USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước.



Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 12,55 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước.

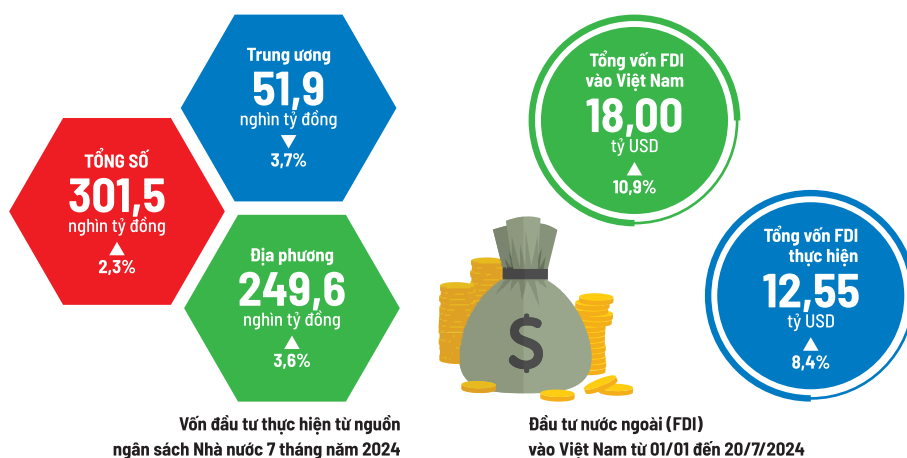
Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 7 tháng đầu năm 2024 có 64 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 122 triệu USD, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 150,7 triệu USD, giảm 53% so với cùng kỳ năm trước.

*Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước tiếp tục được các Bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh thực hiện. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7/2024 ước đạt 57,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,2% so với tháng trước và giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước.*



## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2024

### HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2024



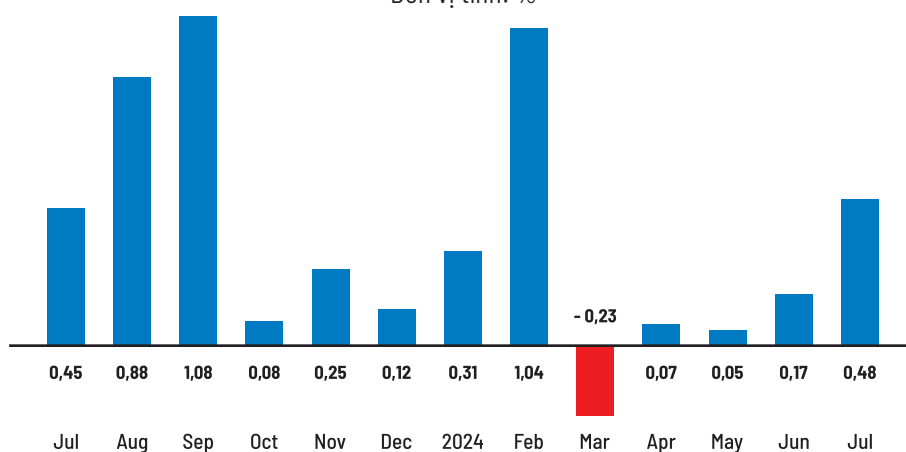
Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư

### 1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2024 tăng 0,48% so với tháng trước do ảnh hưởng từ giá xăng dầu trong nước tăng theo giá thế giới, nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt tăng và mức đóng bảo hiểm y tế được điều chỉnh theo mức lương cơ sở mới. So với tháng 12/2023, CPI tháng 7/2024 tăng 1,89% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,36%. Bình quân 7 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,73%.

### MỨC TĂNG/GIẢM CPI THÁNG SAU SO VỚI THÁNG TRƯỚC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

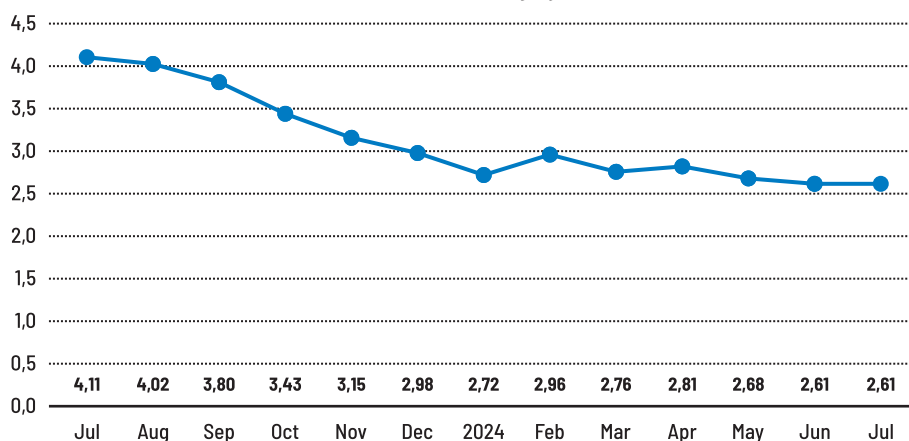
## 1.1.6. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 7/2024 tăng 0,36% so với tháng trước, tăng 2,61% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 7 tháng đầu năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,73% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,12%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Ngoài ra, lạm phát tăng trở lại khiến người dân lo ngại đồng tiền nội tệ Việt Nam mất giá, dẫn đến tâm lý sợ bỏ lỡ cơ hội đầu tư, đổ xô đi mua chứng khoán, vàng, USD, bất động sản phát lý đầy đủ... thay vì gửi tiết kiệm ngân hàng.

### DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 7/2024

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)

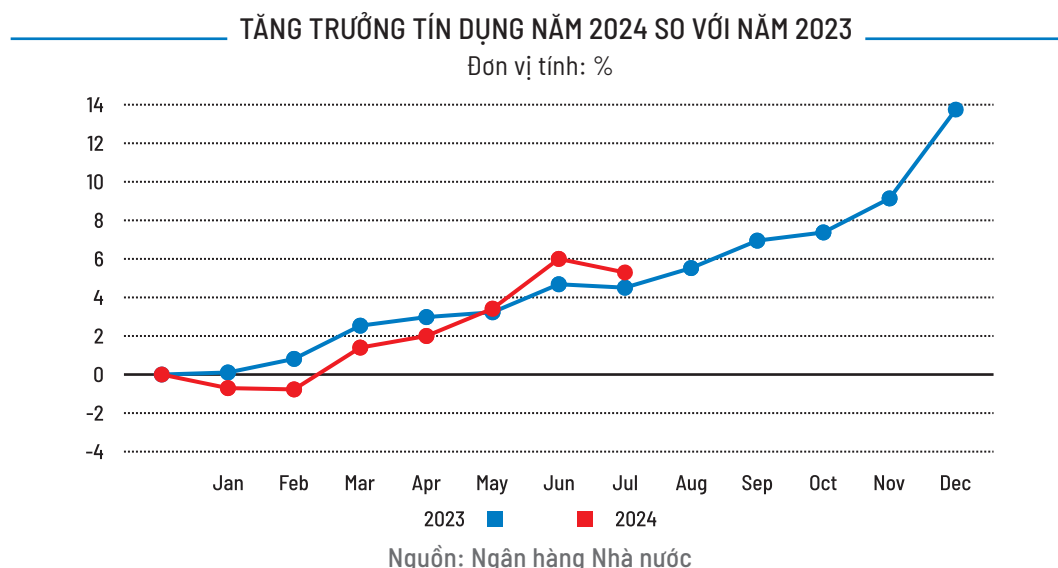


Nguồn: Tổng cục Thống kê

## 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

### 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Tính đến hết tháng 7/2024, tổng dư nợ toàn nền kinh tế đạt 14,33 triệu tỷ đồng, tăng 14,99% so với cùng kỳ năm 2023 và tăng 5,66% so với cuối năm ngoái, thấp hơn con số ghi nhận vào cuối tháng 6 là 6%. Như vậy, ước tính từ đầu năm đến cuối tháng 7, dư nợ tín dụng đã tăng thêm 768.000 tỷ đồng nhưng đã giảm khoảng 46.000 tỷ đồng so với cuối tháng 6/2024.



Bên cạnh đó, trong tháng qua, xu hướng tăng trưởng tín dụng hiện đang không đồng đều giữa các ngân hàng và các ngành nghề khác nhau. Một số ngân hàng ghi nhận sự gia tăng mạnh mẽ trong khi những ngân hàng khác lại chứng kiến sự suy giảm hoặc tăng trưởng chậm. Các ngành nghề cũng có mức độ tiếp cận tín dụng khác biệt, với các lĩnh vực như sản xuất và xuất khẩu được hưởng lợi từ các chính sách lãi suất thấp, trong khi các ngành khác vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức.

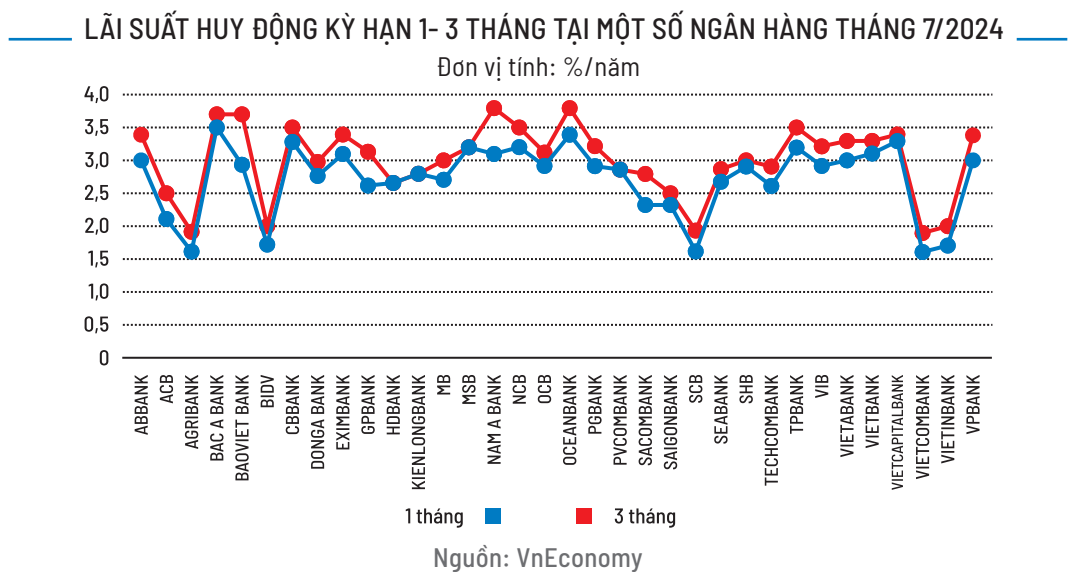
Dự báo nhu cầu tín dụng sẽ tăng mạnh trong những tháng cuối năm 2024 với các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng tín dụng bao gồm mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, hoạt động sản xuất và xuất khẩu khởi sắc. Đặc biệt, sự hồi phục rõ rệt hơn của thị trường bất động sản những tháng cuối năm 2024 dự báo sẽ thúc đẩy nhu cầu tín dụng, đặc biệt là trong các phân khúc cho vay doanh nghiệp bất động sản và vay mua nhà.

1.2.2. Lãi suất

Trong nửa đầu năm lãi suất vay tiếp tục giảm. Đến cuối tháng 6/2024, lãi suất cho vay bình quân ở mức 8,3%/năm, giảm 0,96% so cuối năm 2023. Lãi suất tiền gửi bình quân ở mức 3,59%/năm, giảm 1,08%/năm so cuối năm 2023.

Ở chiều ngược lại, suất huy động tiết kiệm có xu hướng tăng. Lãi suất huy động các kỳ hạn 6-9 tháng đã tăng lên mức từ 5%/năm. Theo thống kê tại ngày 9/8/2024, có tới 11 ngân hàng đang niêm yết mức lãi suất từ 5%/năm trở lên đối với tiền gửi kỳ hạn 6 tháng.

Trong tháng 7/2024, thị trường ghi nhận 17 ngân hàng tăng lãi suất, bao gồm: NCB, Eximbank, SeABank, VIB, BaoViet Bank, Saigonbank, VietBank, MB, BVBank, KienLongBank, VPBank, PVCombank, PGBank, Sacombank, BIDV, AB-Bank, và Bac Á Bank. Trong đó, VietBank là ngân hàng duy nhất đến thời điểm này tăng lãi suất lần thứ ba kể từ đầu tháng, Saigonbank, ABBank và VIB cũng đã tăng lãi suất huy động lần thứ hai trong tháng.



1.2.3. Tỷ giá

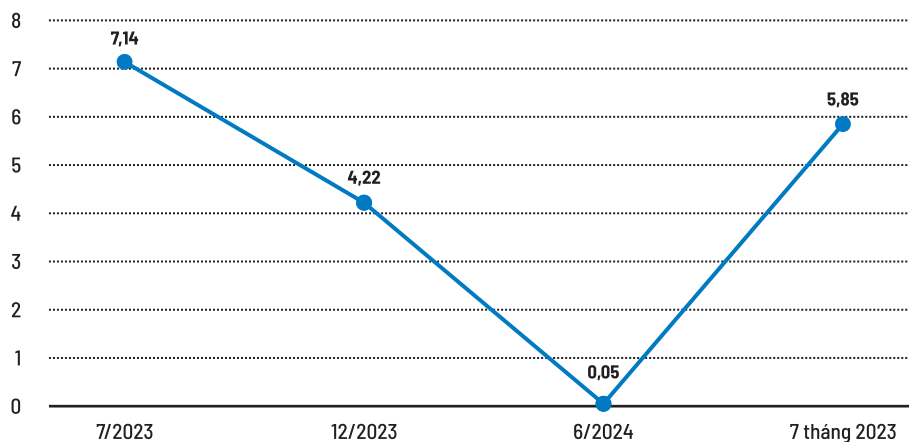
Trên thế giới, chỉ số DXY đã giảm 1,12% từ mức 104,13 điểm ngày 28/7 xuống 102,9 điểm ngày 2/8 sau đó tăng nhẹ, phản ánh quyết định giữ nguyên lãi suất của Fed.

Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do dao động quanh mức 25.600 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7/2024 tăng 0,05% so với tháng trước, tăng 4,22% so với tháng 12/2023 và tăng 7,14% so với cùng kỳ năm trước, bình quân 7 tháng đầu năm 2024 tăng 5,85%.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2024

### CHỈ SỐ USD THÁNG 7/2024 SO VỚI CÁC THỜI ĐIỂM

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

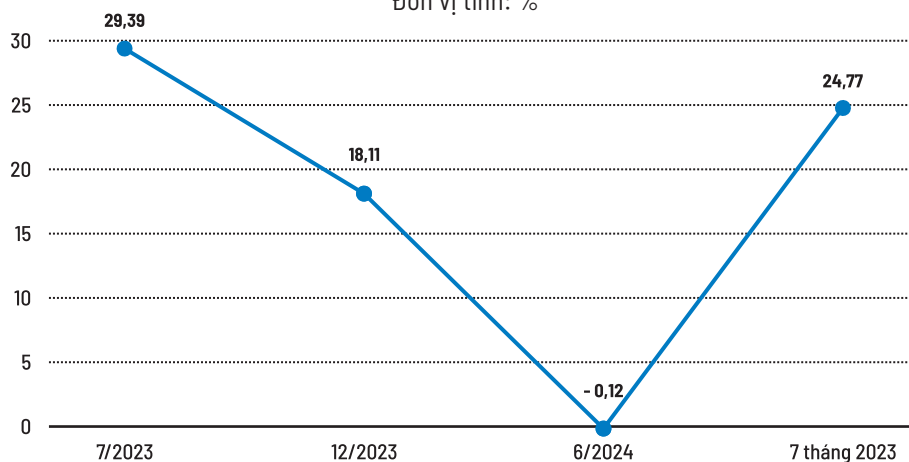
#### 1.2.4. Chỉ số giá vàng

Tính đến ngày 24/7/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.383,17 USD/ounce, **tăng 1,49% so với tháng 6/2024**. Giá vàng thế giới tăng khi các nhà đầu tư dự đoán Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) sẽ cắt giảm lãi suất trong tháng 9/2024, cùng với đó rủi ro xung đột địa chính trị trên thế giới cũng làm tăng nhu cầu tích trữ vàng.

Trong nước, **chỉ số giá vàng tháng 7/2024 giảm 0,12%** so với tháng trước; tăng 18,11% so với tháng 12/2023; tăng 29,39% so với cùng kỳ năm trước; **bình quân bảy tháng năm 2024, chỉ số giá vàng tăng 24,77%**.

### GIÁ VÀNG THÁNG 7/2024 SO VỚI CÁC THỜI ĐIỂM

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

### 1.2.5. Chứng khoán

Trong tháng 7/2024, thị trường chứng khoán Việt Nam đã trải qua nhiều biến động đáng chú ý. VN-Index có sự điều chỉnh đáng kể khi giảm điểm liên tiếp trong ba tuần đầu, nhưng cuối tháng đã có dấu hiệu phục hồi. Tuy nhiên, thanh khoản thị trường trong tháng qua vẫn ở mức thấp do tâm lý của các nhà đầu tư vẫn rất thận trọng.

Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 7/2024, chỉ số VN-Index đạt 1,251.51 điểm, tăng nhẹ 0,5% so với cuối tháng 6/2024. *Tháng 7/2024, tài khoản chứng khoán cá nhân mở mới gấp 3 lần tháng trước, đánh dấu mức cao nhất trong hai năm trở lại đây.*

Tính đến đầu tháng 7/2024, giá trị rút ròng của khối ngoại qua các quỹ đầu tư nước ngoài tại thị trường chứng khoán ngoại biên có thứ hạng tín dụng thấp Việt Nam đã vượt 17.100 tỷ đồng, gấp 10,7 lần cả năm 2023. Dòng vốn này chủ yếu chảy vào trái phiếu chính phủ và tiền gửi ngân hàng Mỹ, vàng, yên Nhật hoặc các thị trường chứng khoán mới nổi xếp hạng tín dụng cao hơn như Trung Quốc, Ấn Độ.

Về các diễn biến nhóm ngành, nhóm cổ phiếu trụ cột như ngân hàng, chứng khoán, thép và dầu khí đã có những phiên giao dịch tích cực, giúp kéo lại sắc xanh cho thị trường vào những ngày cuối tháng. Sự hồi phục của các ngành này đã tạo đà tăng trưởng cho thị trường chung.

Dự báo thị trường chứng khoán những tháng cuối năm 2024 sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh, tạo đà cho nhiều nhóm ngành bứt phá. Trong đó, ngành dịch vụ tài chính sẽ có lợi nhuận tăng trưởng mạnh nhất khi lãi suất vẫn còn thấp, dù các ngân hàng đã rục rịch tăng lãi suất huy động.

Bên cạnh đó, nhóm đầu tư công sẽ tăng tốc trong những tháng tới nhờ nỗ lực của Chính phủ, giúp các công ty xây dựng cơ sở hạ tầng và cung cấp vật liệu xây dựng hưởng lợi nhiều nhất. Ngoài ra, việc giải ngân đầu tư từ khối doanh nghiệp Nhà nước sẽ đi vào lĩnh vực năng lượng, với hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí được đẩy mạnh, ngành điện cũng sẽ bước sang chương mới sau khi Quy hoạch Điện VIII được phê duyệt. Tất cả những yếu tố trên giúp triển vọng các nhóm cổ phiếu dầu khí trong nửa cuối năm 2024 được dự báo sẽ có nhiều tín hiệu tích cực. Đặc biệt, nhóm mã cổ phiếu dầu khí trung nguồn như PVT, PVP, GSP... được đánh giá sẽ tăng trưởng nhờ kế hoạch mở rộng đội tàu và hưởng lợi từ căng thẳng tại kênh đào Suez.



## 2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

### 2.1. Về chủ trương, chính sách

#### ▪ Đề xuất 3 phương án lựa chọn nhà đầu tư thực hiện thí điểm điện gió ngoài khơi

Bộ Công Thương đã có báo cáo trình Chính phủ về thực hiện Đề án nghiên cứu thí điểm phát triển điện gió ngoài khơi, trong đó Bộ Công Thương đưa ra 3 phương án giao Tập đoàn kinh tế nhà nước triển khai dự án thí điểm điện gió ngoài khơi.

**Phương án 1:** Giao Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Theo Bộ Công Thương, PVN và các đơn vị thành viên sẽ có những lợi thế nhất định trong triển khai điện gió ngoài khơi. Tuy nhiên, Bộ Công Thương cho rằng việc giao PVN đầu tư điện gió ngoài khơi cũng cần được đánh giá phù hợp với chủ trương của Đảng về định hướng ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh của PVN. Hiện nay, Nghị quyết của Đảng chưa cho phép PVN được đầu tư ngoài ngành và đầu tư điện gió ngoài khơi. Điện gió sẽ sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh dạng khí. PVN đã có báo cáo và kiến nghị cấp có thẩm quyền cho phép PVN đầu tư điện gió ngoài khơi nhưng chưa được chấp thuận. Theo đó, nội dung này cần tiếp tục được làm rõ sau khi nhận được ý kiến góp ý của Bộ, ngành, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và PVN.

**Phương án 2:** Giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN). Theo Bộ Công Thương, việc giao EVN đầu tư thí điểm cũng có ưu điểm nhất định do không phải tiến hành đàm phán giá điện (do EVN đồng thời là đơn vị mua điện và bán điện). Tuy vậy, nội dung này tiếp tục được làm rõ sau khi nhận được ý kiến của Bộ, ngành, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và EVN.

**Phương án 3:** Giao đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng. Phương án này cần được đánh giá về sự phù hợp với chủ trương của Đảng, cũng như việc đánh giá tính khả thi sau khi xem xét năng lực của đơn vị cụ thể thuộc Bộ Quốc phòng. Tuy nhiên, theo ý kiến của Bộ Quốc phòng, đơn vị này kiến nghị không giao thí điểm phát triển điện gió ngoài khơi cho đơn vị Bộ Quốc phòng do điều kiện về năng lực và kinh nghiệm. Tuy nhiên, một số đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng có thể tham gia một số khâu phù hợp trong quá trình thực hiện dự án. Do vậy, phương án này sẽ tiếp tục được làm rõ sau khi Bộ Công Thương nhận được ý kiến góp ý của Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành.

Đặc biệt, đối với phương án giao tư nhân trong nước đầu tư, Bộ Công Thương cho rằng mặc dù thời gian qua, tư nhân đã tham gia nhiều vào đầu tư trong lĩnh vực điện. Tuy nhiên, các dự án do tư nhân đầu tư thường là các dự án điện truyền thống, các dự án điện mặt trời và điện gió có quy mô không lớn. Với những vướng mắc về pháp luật hiện nay và điện gió ngoài khơi là lĩnh vực mới, có liên quan tới quốc phòng, an ninh, nên Bộ Công Thương cho rằng chưa nên giao tư nhân đầu tư thí điểm trong khi chưa đánh giá hết được các vấn đề về quốc phòng, an ninh, giá, vướng mắc pháp luật.

▪ ***Đề xuất bỏ thuế tiêu thụ đặc biệt với xăng***

Theo ý kiến của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) gửi Bộ Tài chính, VCCI cho rằng, xăng đang phải chịu cùng lúc hai loại thuế có tính chất hạn chế tiêu dùng là Thuế Tiêu thụ đặc biệt và Thuế Bảo vệ môi trường.

Theo VCCI, xăng không phải mặt hàng xa xỉ, nên việc đánh thuế tiêu thụ đặc biệt cũng nhằm bảo vệ môi trường. Do đó, cơ quan này đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu bỏ thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng. Trong trường hợp cần thiết, sẽ điều chỉnh Thuế Bảo vệ môi trường cho phù hợp với mục tiêu của loại thuế này.

▪ ***Bộ Công thương đề xuất một số quy định mới về kinh doanh xăng dầu.***

Tại Dự thảo lần 3, Nghị định kinh doanh xăng dầu được Bộ Công thương gửi Bộ Tư pháp thẩm định có thêm một số đề xuất mới về quy định kinh doanh xăng dầu như sau:

***Thương nhân đầu mối phải duy trì dự trữ lưu thông xăng dầu tối thiểu bằng 20 ngày cung ứng***

Theo Dự thảo Nghị định, thương nhân đầu mối xăng dầu phải sở hữu cảng chuyên dụng hoặc đi thuê sử dụng dịch vụ làm hàng xăng dầu tại cảng chuyên dụng còn thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Cảng chuyên dụng đảm bảo tiếp nhận được tàu chở xăng dầu hoặc phương tiện vận tải xăng dầu khác có trọng tải tối thiểu 7.000 DWT, nằm trong hệ thống cảng biển Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền công bố tiếp nhận tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài.

Thương nhân đầu mối cũng cần sở hữu kho tiếp nhận xăng dầu hoặc đi thuê còn thời hạn tối thiểu 05 năm kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ để nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Kho tiếp nhận xăng dầu có các bồn, bể với tổng sức chứa tối thiểu 15.000 m<sup>3</sup> để trực tiếp nhận xăng dầu từ tàu chở xăng dầu và phương tiện vận tải xăng dầu khác.

Đáng chú ý, dự thảo Nghị định cũng quy định thương nhân đầu mối phải có hệ thống phân phối xăng dầu, gồm:

(i) Tối thiểu 10 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc đi thuê, được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu còn hiệu lực, trong đó tối thiểu 05 cửa hàng thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

(ii) Tối thiểu 40 thương nhân bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân, được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân bán lẻ xăng dầu còn hiệu lực.

Thương nhân đầu mối xăng dầu phải kết nối mạng với Bộ Công Thương về dữ liệu kho chứa xăng dầu, tình hình thực hiện tổng nguồn xăng dầu, nhập - xuất - tồn kho xăng dầu và các dữ liệu khác theo quy định của Bộ Công Thương.

Ngoài ra, doanh nghiệp phải đảm bảo đã là thương nhân phân phối xăng dầu tối thiểu trong 36 tháng liên tục trước khi đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu.

Dự thảo Nghị định đề xuất thương nhân đầu mối xăng dầu phải kết nối mạng với Bộ Công Thương về dữ liệu kho chứa xăng dầu, tình hình thực hiện tổng nguồn xăng dầu, nhập - xuất - tồn kho xăng dầu và các dữ liệu khác theo quy định

Trường hợp đến thời điểm thương nhân được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thời hạn thuê cảng chuyên dụng, thuê kho tiếp nhận xăng dầu còn dưới 5 năm, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận vẫn chấp nhận để cấp Giấy xác nhận cho thương nhân.

Ngay sau khi được cấp Giấy xác nhận, thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu có trách nhiệm điều chỉnh thời hạn thuê cảng chuyên dụng, thuê kho tiếp nhận xăng dầu đảm bảo đủ thời hạn quy định tại Giấy xác nhận và báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận để kiểm tra, giám sát.

Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu được phân giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu hàng năm và có trách nhiệm thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu được phân giao. Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu được phân giao tổng nguồn xăng dầu tối thiểu không thấp hơn 100.000 m<sup>3</sup> tấn (dầu mazut)/năm.

Thương nhân đầu mối cũng được quyền công bố giá bán xăng dầu theo công thức quy định tại Nghị định này. Công bố giá bán lẻ xăng dầu (riêng dầu mazut là giá bán buôn) trong hệ thống phân phối không cao hơn giá bán xăng dầu theo công thức quy định tại Nghị định.

Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu phải duy trì dự trữ lưu thông xăng dầu tối thiểu bằng 20 ngày cung ứng, tính theo sản lượng tiêu thụ nội địa bình quân của thương nhân trong 1 ngày của năm trước liền kề, cả về cơ cấu chủng loại.

#### ***Thương nhân phân phối có tối thiểu 5 cửa hàng, 10 thương nhân bán lẻ***

Trong khi đó, thương nhân phân phối xăng dầu phải đảm bảo có hệ thống phân phối xăng dầu, gồm tối thiểu 5 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc đi thuê, được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu còn hiệu lực, trong đó tối thiểu 3 cửa hàng thuộc sở hữu của doanh nghiệp; và tối thiểu 10 thương nhân bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của thương nhân, được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân bán lẻ xăng dầu còn hiệu lực.

Thương nhân phân phối xăng dầu được công bố giá bán lẻ xăng dầu (riêng dầu mazut là giá bán buôn) trong hệ thống phân phối không cao hơn giá bán xăng dầu theo công thức quy định tại Nghị định do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu công bố.

Thương nhân bán lẻ xăng dầu phải có cửa hàng xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu còn hiệu lực và có hợp đồng ký với thương nhân cung cấp xăng dầu là thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu.

Giá bán lẻ xăng dầu của thương nhân bán lẻ xăng dầu không cao hơn giá bán lẻ được công bố bởi thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu cung cấp xăng dầu cho thương nhân.

Chậm nhất 30 ngày trước khi ngừng lấy hàng của thương nhân cung cấp xăng dầu, thay đổi hoặc bổ sung thương nhân cung cấp xăng dầu, thương nhân bán lẻ xăng dầu phải báo cáo và đề nghị Sở Công Thương sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân bán lẻ xăng dầu đã cấp cho thương nhân.

Cửa hàng bán lẻ xăng dầu phải được thiết kế, xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu khi hoàn thành thi công xây dựng công trình đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế của hàng xăng dầu, bảo đảm các quy định của pháp luật về an toàn, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Đối với điểm bán xăng dầu, trang bị phương tiện đo và thùng chứa xăng dầu có sức chứa tĩnh ở nhiệt độ thực tế phải không quá 200 lít/thiết bị. Thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ được kiểm định an toàn theo quy định của pháp luật. Phương tiện đo của thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ được kiểm định theo quy định của pháp luật về đo lường.

Điểm bán xăng dầu đặt tại địa bàn vùng sâu, vùng xa được quy định tại khoản 1 mục III Điều 1 Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định này.

### 2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ, các tổ chức trong nước và quốc tế đã đồng loạt đưa ra những dự báo tích cực về tăng trưởng kinh tế cho năm 2024.

Ngày 2/7, *Ngân hàng United Overseas Bank (UOB) dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ đạt 6,0% cho năm 2024.* Theo UOB, sự phục hồi nhu cầu ngành bán dẫn, tăng trưởng ổn định ở Trung Quốc và khu vực Đông Nam Á cũng như khả năng nói lỏng chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn sẽ là các yếu tố hỗ trợ cho triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2024.

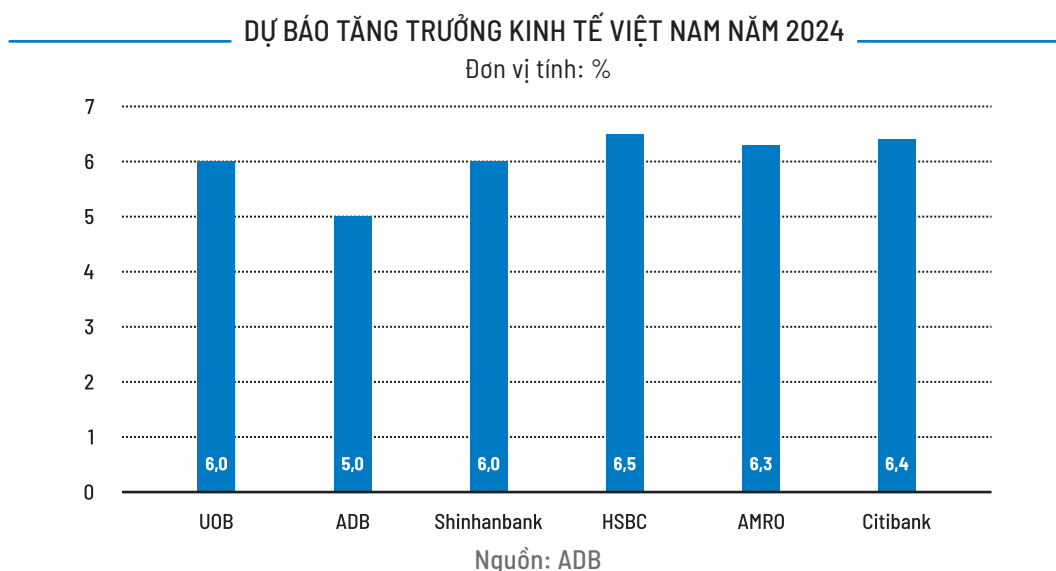
Ngày 15/7, *Ngân hàng Hong Kong and Shanghai Banking (HSBC) cũng đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm nay lên 6,5% so với dự báo trước đó là 6,0%, sau khi mức tăng trưởng kinh tế quý II vượt dự báo.*

Đồng quan điểm cho rằng kinh tế Việt Nam sẽ có triển vọng tích cực trong năm nay, ngày 16/7, *Văn phòng Nghiên cứu Kinh tế vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) đã điều chỉnh nâng dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lên 6,3% cho năm 2024* so với dự báo 6% hồi tháng 4. Ngoài ra, AMRO vẫn duy trì dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 sẽ ở mức 6,5%.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2024

Trong khi đó, đánh giá thận trọng hơn về khả năng tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm nay, ngày 17/7, *Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) giữ nguyên dự báo triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2024 và 2025 lần lượt ở mức 6,0% và 6,2%*, với kết quả tăng trưởng tích cực trong nửa đầu năm 2024.

Cùng chung nhận định lạc quan với AMRO và HSBC về dự báo về tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024, ngày 18/7, *Ngân hàng Shinhan đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 lên mức trên 6%*, thay vì dự báo mức 5% trước đó, khi nhận thấy nhiều động lực tăng trưởng mạnh mẽ cho nửa cuối năm 2024. Tương tự, ngày 25/7, *Ngân hàng Citibank cũng đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ 6% lên 6,4% trong năm 2024.*



Bên cạnh đó, ngày 6/7, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã công bố 2 kịch bản dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2024. Theo đó, *Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Chính phủ lựa chọn kịch bản tăng trưởng 2, phần đầu Tăng trưởng cả năm đạt 7%*. Cụ thể:

**Kịch bản 1:** Tăng trưởng cả năm đạt 6,5% (cận trên mục tiêu Quốc hội quyết nghị), tăng trưởng quý III/2024 là 6,5%, quý IV/2024 là 6,6% (kịch bản tại Nghị quyết số 01 là 6,7% và 7%).

**Kịch bản 2:** Tăng trưởng cả năm đạt 7%, tăng trưởng quý III/2024 là 7,4%, quý IV/2024 là 7,6%, cao hơn kịch bản tại Nghị quyết số 01 là 0,7% và 0,6%.



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

### 1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

#### 1.1. Thông tin trong kỳ

##### 1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

###### ▪ *Cung dầu mỏ:*

Nguồn cung dầu mỏ trên thế giới trong tháng 7 tương đối ổn định, với sản lượng dồi dào từ Mỹ đã bù đắp cho việc một số nước như Nga, Iraq, Kazakhstan... tuân thủ cắt giảm sản lượng dầu thô do nhóm OPEC+ đặt ra sau khi sản lượng trong tháng 6 vượt quá giới hạn.

Nguồn cung dầu từ Mỹ sang châu Âu đã tăng mạnh trong bối cảnh khu vực này đang tìm những nguồn cung dầu khác để thay thế Nga. Đặc biệt, trong tháng qua, Mỹ đã trở thành nhà cung cấp nhiên liệu diesel chính cho châu Âu với mức xuất khẩu dầu diesel ước tính đạt mức cao nhất mọi thời đại.

Ngoài ra, các cuộc xung đột tại Trung Đông hiện tại không ảnh hưởng nhiều đến các nhà máy sản xuất dầu trong khu vực, do đó nguồn cung dầu trên thế giới vẫn không bị tác động mạnh.

Trong khi đó, Hungary và Slovakia đã mất đi nguồn cung dầu lớn nhất từ Nga do Ukraine khóa van đường ống dầu thô từ Nga chạy qua lãnh thổ của mình đến hai quốc gia láng giềng này.

###### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Nhu cầu dầu toàn cầu vẫn duy trì ở mức cao, đặc biệt đến từ Châu Á và Mỹ.

Tại Trung Quốc, chính phủ Trung Quốc đã yêu cầu các công ty dầu khí nhà nước bổ sung 8 triệu tấn dầu, tương đương gần 60 triệu thùng dầu thô vào kho dự trữ khẩn cấp của nước này để tăng cường an ninh nguồn cung khiến nhu cầu mua dầu thô tăng mạnh trong tháng qua.

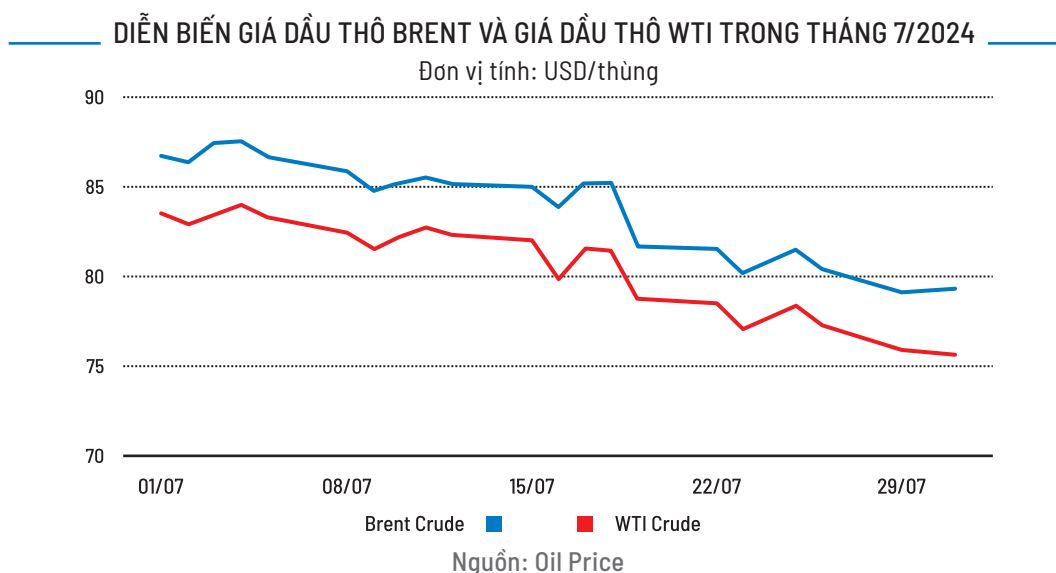
Trong khi đó, Mỹ cũng đang tìm cách mua 4,5 triệu thùng dầu để giúp bổ sung Kho Dự trữ Dầu mỏ Chiến lược (SPR), mặc dù giá dầu hiện cao hơn mức giá mục tiêu.



Bên cạnh đó, tại Nga, nhu cầu xăng dầu cũng tăng cao một cách đáng kể do sự gia tăng mạnh mẽ trong nhu cầu tiêu dùng nội địa, đặc biệt là vào mùa hè, khi người dân thường có xu hướng đi du lịch và sử dụng phương tiện cá nhân nhiều hơn.

### ▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng qua, kỳ vọng ngày càng tăng về một lệnh ngừng bắn ở Gaza, lo ngại ngày càng tăng về nhu cầu ở Trung Quốc, và sự tăng giá của đồng USD đã khiến giá dầu có xu hướng lao dốc. Ngoài ra, tổng lượng dự trữ dầu thô và các sản phẩm lọc dầu đang có xu hướng tăng cao cũng góp phần kìm hãm khả năng tăng của giá dầu trong tháng 7.



### 1.1.2. Thị trường trong nước

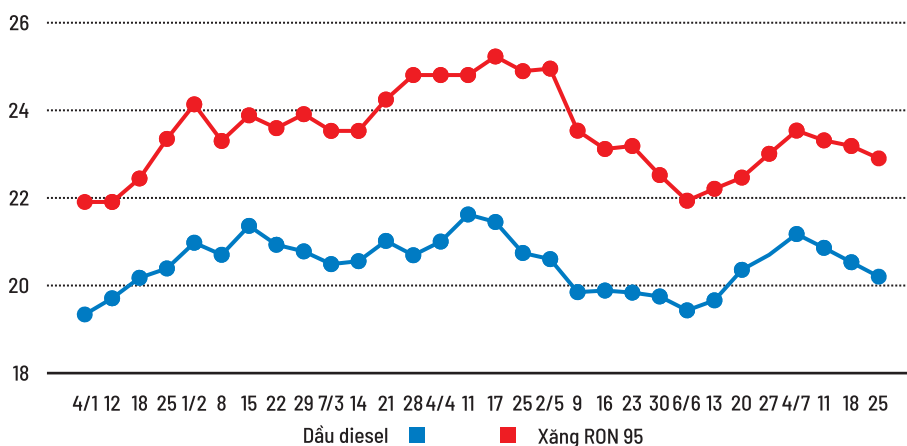
Về tình hình kinh doanh xăng dầu, trong tháng qua tiếp tục có thêm nhiều doanh nghiệp phân phối xăng dầu xin dừng kinh doanh, tuy nhiên, nguồn cung xăng dầu trong nước vẫn được duy trì đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu. Từ đầu năm đến nay, đã có hơn 20 thương nhân phân phối xăng dầu đề nghị trả lại giấy chứng nhận điều kiện kinh doanh, hiện trên thị trường còn khoảng hơn 290 doanh nghiệp phân phối mặt hàng xăng dầu.

Ngoài ra, chiết khấu xăng, dầu tăng cao trong tháng 7 do tình hình xăng, dầu thế giới dần ổn định, chiết khấu sản phẩm dầu dao động từ 1.100 đồng/lít đến 1.400 đồng/lít.

Về diễn biến giá xăng dầu trong nước, giá xăng trong nước tăng 3,55% và giá dầu diesel tăng 4,07% so với tháng trước. Tính từ đầu năm đến nay, giá xăng có 30 kỳ điều chỉnh giá, trong đó mặt hàng xăng Ron 95 có 16 lần tăng và 14 lần giảm, mặt hàng dầu diesel 14 lần tăng, 16 lần giảm và dầu mazut có 18 lần tăng và 12 lần giảm.

DIỄN BIẾN GIÁ XĂNG DẦU TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: Nghìn đồng/lít



Nguồn: Bộ Công Thương

1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ **Cung dầu mỏ:**

Ngày 10/7, Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã giữ nguyên ước tính tăng trưởng nguồn cung ngoài OPEC+ ở mức 1,23 triệu thùng/ngày cho năm 2024, và 1,10 triệu thùng/ngày cho năm 2025. OPEC dự báo tăng trưởng của các nước ngoài OPEC+ chủ yếu sẽ do Mỹ thúc đẩy, bên cạnh Canada và Brazil.

Bên cạnh đó, ngày 11/7, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nguồn cung dầu toàn cầu có thể rơi vào tình trạng dư thừa trong phần lớn năm 2025 nếu các xu hướng tiêu thụ suy yếu hiện nay tiếp tục duy trì. Về dài hạn, nhu cầu dầu toàn cầu sẽ ngừng tăng trưởng trước cuối thập niên này. Điều này là do nhiều nước tránh xa nhiên liệu hóa thạch trong nỗ lực chống biến đổi khí hậu.

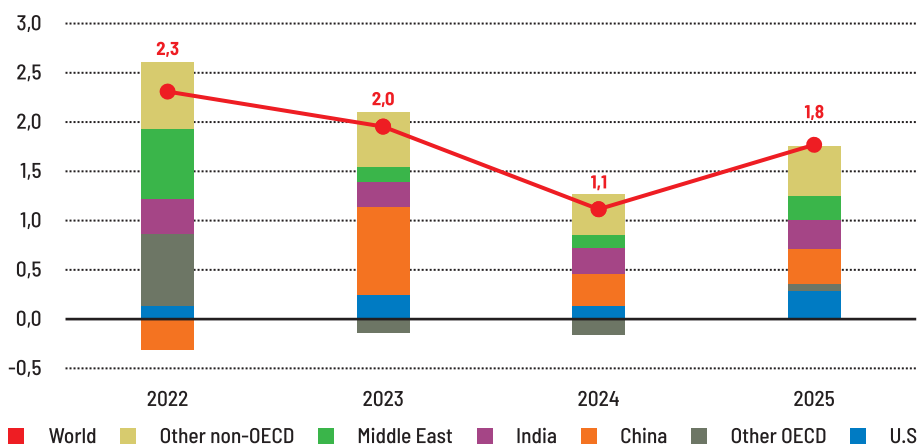
▪ **Cầu dầu mỏ:**

Ngày 10/7, OPEC vẫn giữ nguyên dự báo nhu cầu dầu toàn cầu tăng thêm 2,25 triệu thùng/ngày trong năm 2024 và 1,85 triệu thùng/ngày trong năm 2025.

Cùng quan điểm khá tương đồng với OPEC, trong báo cáo tháng 7, Cơ quan Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo nhu cầu tiêu thụ dầu thô và các nhiên liệu lỏng trên toàn thế giới dự kiến tăng 920.000 thùng/ngày lên 102,84 triệu thùng/ngày trong năm 2024.

THAY ĐỔI HÀNG NĂM VỀ TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU LỎNG TRÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày

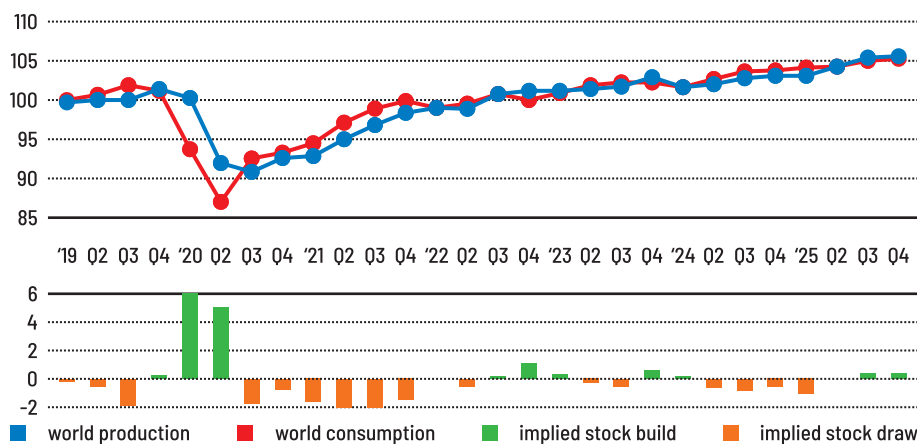


Nguồn: EIA

Ngoài ra, EIA dự báo nhu cầu dầu mỏ toàn cầu sẽ vượt nguồn cung vào năm 2025, đảo ngược dự báo trước đó về tình trạng dư thừa.

CÂN CÂN SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU LỎNG THẾ GIỚI

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



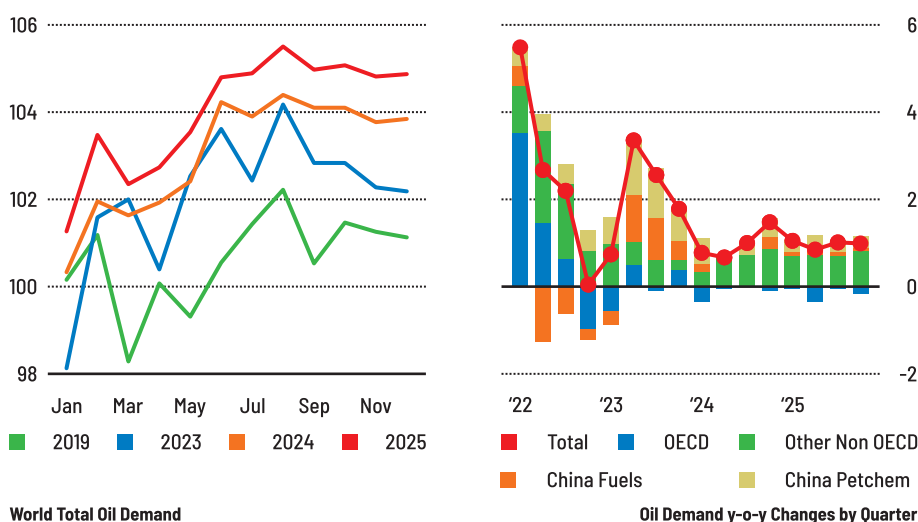
Nguồn: EIA

Trái ngược với quan điểm của OPEC và EIA, ngày 11/7, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã hạ dự báo nhu cầu dầu mỏ của năm 2024 và 2025, trong bối cảnh nhu cầu dầu mỏ toàn cầu đang chững lại, *IEA dự đoán lượng tiêu thụ dầu mỏ trên thế giới sẽ tăng trung bình chưa đến 1 triệu thùng/ngày trong năm 2024 và 2025*, do tăng trưởng kinh tế trì trệ, hiệu quả sử dụng năng lượng cao hơn và xu hướng điện khí hóa các phương tiện giao thông sẽ kìm hãm nhu cầu. Cụ thể, *IEA đã hạ dự báo nhu cầu dầu mỏ toàn cầu năm 2024 và năm 2025 lần lượt xuống còn 103,1 triệu thùng/ngày và 104 triệu thùng/ngày*.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2024

IEA nhận định, các nước bên ngoài Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), sẽ đóng góp toàn bộ mức tăng trưởng tiêu thụ dầu trong năm 2024. Nhu cầu ở các nước phát triển thuộc tổ chức OECD dự kiến giảm 93.000 thùng/ngày trong năm nay, xuống còn 45,55 triệu thùng/ngày. Trong khi nhu cầu bên ngoài OECD được dự đoán tăng khoảng 1,07 triệu thùng/ngày, lên khoảng 57,50 triệu thùng/ngày.

### DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG NHU CẦU DẦU TOÀN CẦU



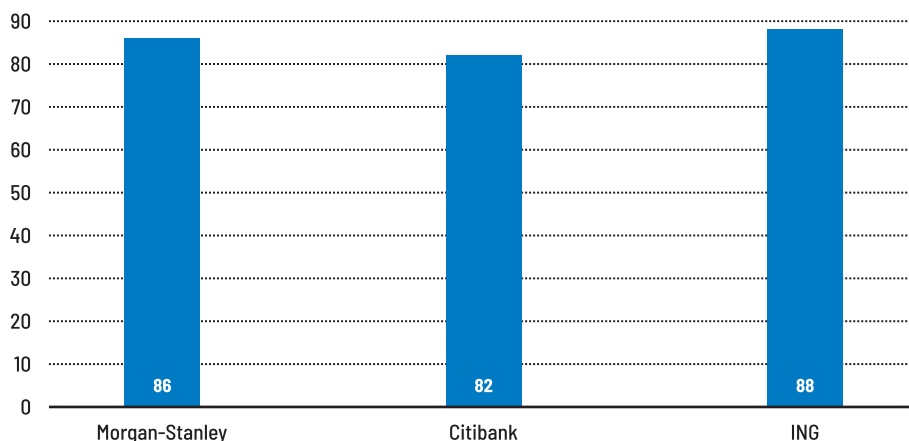
Nguồn: IEA

▪ **Diễn biến giá:**

Trong tháng qua, các tổ chức quốc tế như Morgan Stanley, Citibank và ING... đều đã điều chỉnh dự báo hạ giá dầu Brent trong ngắn hạn trong quý III/2024 do lo ngại có khả năng dư thừa nguồn cung sau mùa hè.

### DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT TRONG QUÝ III/2024

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: Vibiz tổng hợp

Về dự báo giá dầu trong dài hạn, Morgan Stanley cho rằng, thị trường dầu mỏ đang có dấu hiệu thắt chặt, dự kiến sẽ cân bằng vào quý IV/2024 và thặng dư vào năm sau, kéo giá dầu Brent xuống mức 70 - 75 USD/thùng trong năm 2025.

### 1.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo nguồn cung xăng dầu trong nước những tháng cuối năm 2024 tương đối ổn định.

Về sản xuất, dự kiến 6 tháng cuối năm 2024 hai nhà máy sản xuất ước đạt khoảng 8,26 triệu tấn, tương đương 9,9 triệu m<sup>3</sup>/tấn xăng dầu các loại.

Về nhập khẩu, ước nhập khẩu 6 tháng cuối năm 2024 khoảng 4,5 triệu tấn (khoảng 5,4 triệu m<sup>3</sup>/tấn xăng dầu các loại). Tổng nguồn sản xuất và nhập khẩu khoảng 12,76 triệu tấn, tương đương khoảng 15,3 triệu m<sup>3</sup>/tấn.

Ngoài ra, tổng nguồn sản xuất và nhập khẩu 6 tháng cuối năm 2024 (theo báo cáo của các thương nhân) ước khoảng 13,3 triệu m<sup>3</sup>/tấn xăng dầu các loại.

Đối với tiêu thụ, ước tiêu thụ 6 tháng cuối năm 2024 khoảng 13,2 triệu m<sup>3</sup>/tấn (bình quân khoảng gần 2,2 triệu m<sup>3</sup>/tấn/tháng). Tồn kho từ 1,8 - 2 triệu tấn.

## 2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

### 2.1. Thông tin trong kỳ

#### 2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ▪ *Cung khí:*

Trong tháng 7, nguồn cung khí đốt tự nhiên trên thế giới tương đối dồi dào với các nguồn cung cấp đa dạng từ nhiều khu vực.

Tại thị trường châu Âu, nguồn cung ít biến động do lượng hàng tồn kho dồi dào và việc giao hàng từ Nga, Mỹ vẫn ổn định.

Tại thị trường châu Á, nguồn cung khí đốt trong tháng 7 có sự biến động nhẹ do ảnh hưởng của sự cố mất điện tại Freeport LNG của Mỹ, dẫn đến một số chuyến hàng bị hủy bỏ. Trong khi đó, các quốc gia trong khu vực đang nỗ lực để điều chỉnh nguồn cung nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu nội địa. Các hợp đồng nhập khẩu từ các nhà cung cấp khác cũng đã được kích hoạt, giúp duy trì mức độ cung ứng cho thị trường.

Ngoài ra, xuất khẩu khí đốt từ Na Uy ổn định trong bối cảnh không có thay đổi nào về lịch trình bảo trì đã bổ sung cho thị trường thêm một nguồn cung lớn.

##### ▪ *Cầu khí:*

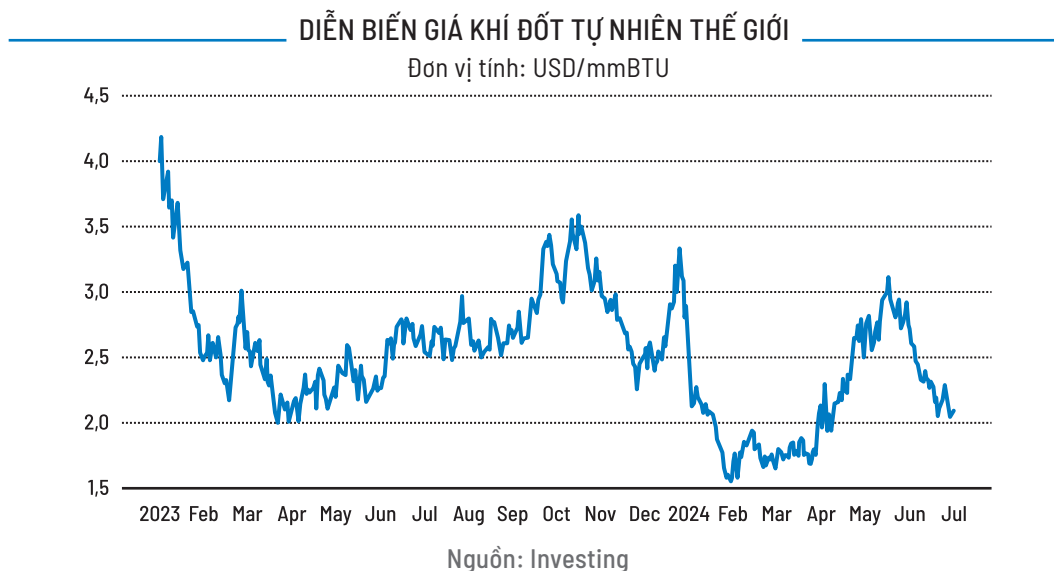
Trong tháng 7, nhu cầu về khí đốt tự nhiên ở châu Á đã tăng cao một cách đáng kể do đợt nắng nóng kéo dài bao trùm nhiều khu vực, dẫn đến sự gia tăng mạnh mẽ trong nhu cầu sử dụng khí đốt để sản xuất điện, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện năng ngày càng cao. Nhập khẩu LNG của Châu Á dự kiến sẽ ở mức 24,85 triệu tấn trong tháng 7, mức cao nhất trong 6 tháng.

Tại Nhật Bản, một trong những quốc gia hàng đầu trong khu vực về nhập khẩu LNG (khí tự nhiên hóa lỏng) đã nhập khẩu một lượng lớn LNG trong tháng qua, lượng dự trữ của các công ty tiện ích lớn đã ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng, đạt đến con số 2,35 triệu tấn.

Trong khi đó, tại Trung Quốc, mặc dù nhu cầu khí đốt trong nước có dấu hiệu yếu đi, nhưng các nhà nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) vẫn không ngừng tìm kiếm những lô hàng giá rẻ từ thị trường giao ngay, nhằm tối ưu hóa chi phí và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa.

Tại châu Âu, nhu cầu về khí đốt tự nhiên trong tháng qua ở mức thấp do sự gia tăng sản lượng điện từ năng lượng mặt trời và thủy điện, cộng với việc có trữ lượng hàng tồn kho dồi dào.

## ▪ *Diễn biến giá:*



### 2.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 7, nắng nóng kéo dài đã dẫn đến sự gia tăng đáng kể nhu cầu sử dụng khí đốt tự nhiên cho sản xuất điện, đặc biệt là ở các khu vực miền Nam và miền Trung. Mặc dù nhu cầu tiêu thụ đã tăng nhẹ nhưng ngành công nghiệp gas trong nước vẫn phải đối mặt với một số thách thức, bao gồm giá nguyên liệu khí thế giới biến động và cạnh tranh gay gắt từ các nguồn năng lượng tái tạo.

Về thị trường gas bán lẻ, mặc dù nhiều công ty đã điều chỉnh giá để phù hợp với thị trường, nhưng sự cạnh tranh giữa các nhà cung cấp gas bán lẻ ngày càng trở nên gay gắt buộc các doanh nghiệp phải tối ưu hóa chi phí và cải thiện dịch vụ khách hàng để giữ chân khách hàng.

Trong tháng 7, giá gas bán lẻ trong nước giảm 0,01% so với tháng trước do một số cửa hàng giảm giá để kích cầu tiêu dùng. Đây là tháng thứ ba liên tiếp giá gas giảm với tổng mức 13.500 đồng/bình 12kg.

## 2.2. Dự báo

### 2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

#### ▪ *Cung khí:*

Theo báo cáo tháng 7, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo nguồn cung LNG của thế giới sẽ tăng trưởng khởi sắc hơn trong nửa cuối năm 2024, nhờ công suất hóa lỏng ngày càng tăng.



Trong đó, IEA dự báo Mỹ sẽ là nhà cung cấp phần lớn công suất xuất khẩu LNG mới trong năm nay khi các nhà máy hiện có mở rộng và các nhà máy mới bắt đầu hoạt động. Điều này bao gồm việc mở rộng Freeport LNG, tăng tốc Plaquemines LNG Giai đoạn 1 vào mùa hè và dự kiến khởi động Corpus Christi Giai đoạn 3 vào gần cuối năm 2024. Bên cạnh đó, nhà máy Tortue FLNG ngoài khơi bờ biển Tây Phi dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào quý 4.

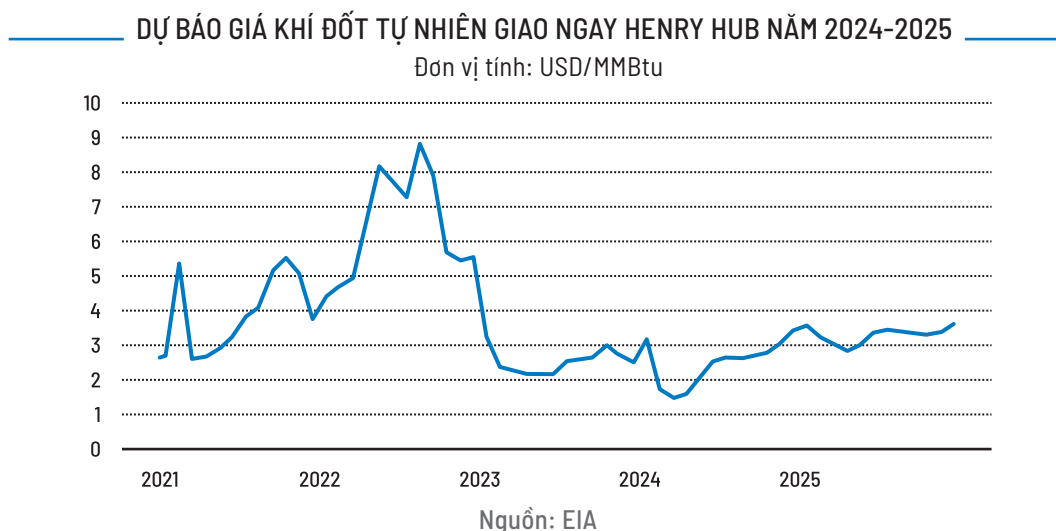
### ▪ **Cầu khí:**

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết nhu cầu khí đốt toàn cầu dự kiến sẽ tăng hơn 100 tỷ mét khối (tương đương 2,5%) trong năm 2024, nhờ đà tăng trưởng liên tục của các thị trường châu Á.

Theo IEA, nhu cầu khí đốt cao hơn trong ngành công nghiệp, đặc biệt là ở châu Á, nơi cả Trung Quốc và Ấn Độ đều ghi nhận tốc độ tăng trưởng hai chữ số trong nửa đầu năm 2024, là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng nhu cầu khí đốt toàn cầu trong năm nay.

### ▪ **Diễn biến giá:**

Cơ quan Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá khí đốt tự nhiên giao ngay của Henry Hub sẽ đạt trung bình gần 2,90 USD trên một triệu đơn vị nhiệt Anh (MMBtu) trong nửa cuối năm nay, tăng từ mức trung bình khoảng 2,10 USD/MMBtu trong nửa đầu năm 2024.



### 2.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo nhu cầu khí LNG trong nước sẽ tiếp tục gia tăng mạnh mẽ, do nhiều yếu tố tác động từ cả nhu cầu nội địa lẫn thị trường quốc tế. Trước hết, nhu cầu năng lượng tại Việt Nam đang tăng cao do quá trình phát triển kinh tế và công nghiệp hóa. Bên cạnh đó, các nhà máy điện sử dụng LNG dự kiến sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu điện đang tăng trưởng nhanh chóng.

### 3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

#### 3.1. Thông tin trong kỳ

##### 3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

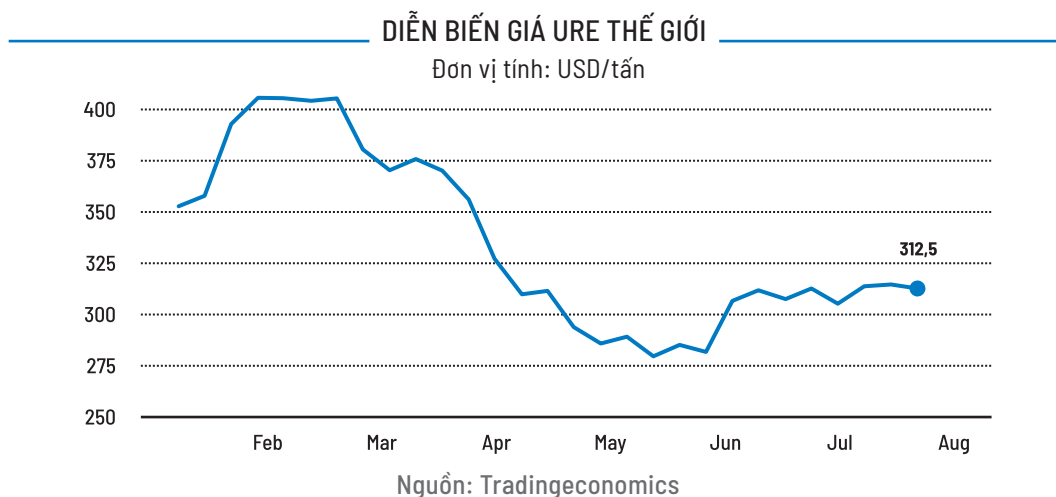
Trong tháng 7, nguồn cung phân bón thế giới tiếp tục bị thắt chặt, tại một số khu vực như Ai Cập, Bangladesh... đã xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn cung nghiêm trọng do các nhà máy phân bón đã phải tạm dừng hoạt động do thiếu khí đốt.

Trong khi đó, Trung Quốc vẫn tiếp tục hạn chế xuất khẩu phân bón nhằm kiểm soát giá trong nước trong quá trình cắt giảm chi phí nông nghiệp và tăng cường an ninh lương thực.

Ngoài ra, tại Ấn Độ, quốc gia tiêu thụ phân bón hàng đầu thế giới này đang dần chuyển sang thị trường tự cung tự cấp trong sản xuất ure.

Trái ngược với Ấn Độ, châu Âu vẫn tiếp tục phụ thuộc vào phân bón từ Nga. Khu vực này đã tăng đáng kể nhập khẩu phân bón giá rẻ từ Nga, đặc biệt là ure đã khiến cho các nhà sản xuất phân bón của chính khu vực này lại đang phải vật lộn để cạnh tranh.

Trong tháng qua, chi phí nguyên liệu đầu vào giảm và thông tin Ấn Độ có kế hoạch ngừng nhập khẩu ure đã dẫn đến giá ure toàn cầu sụt giảm.

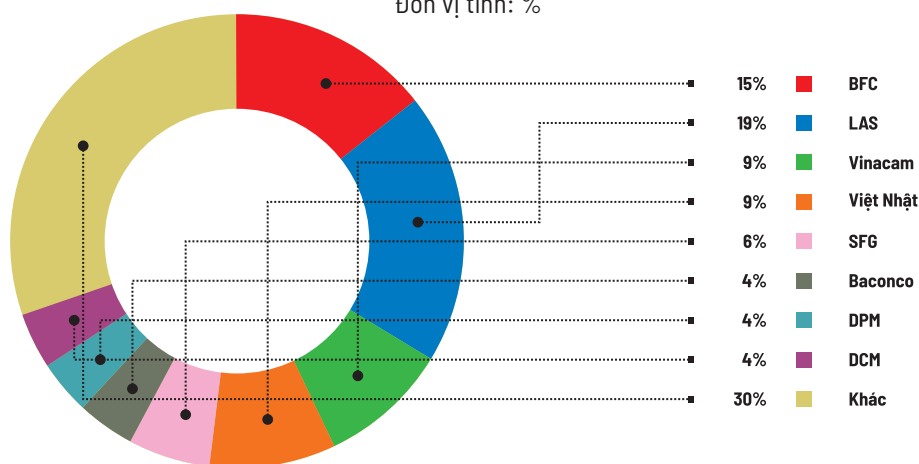


##### 3.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 7, nguồn cung phân bón trong nước khá dồi dào. Trong số các loại phân bón chính, Việt Nam đã tự chủ được việc sản xuất phân ure, phân NPK, phân lân... và chỉ phải nhập khẩu hoàn toàn phân Kali do không có nguồn quặng Potash. Trong đó, thị trường phân ure nội địa đã trở nên bão hòa, một số doanh nghiệp phân bón lớn trên thị trường đang đẩy mạnh việc thâm nhập phân khúc NPK, khiến sức ép cạnh tranh trở nên căng thẳng hơn.

THỊ PHẦN PHÂN BÓN NPK NỘI ĐỊA

Đơn vị tính: %

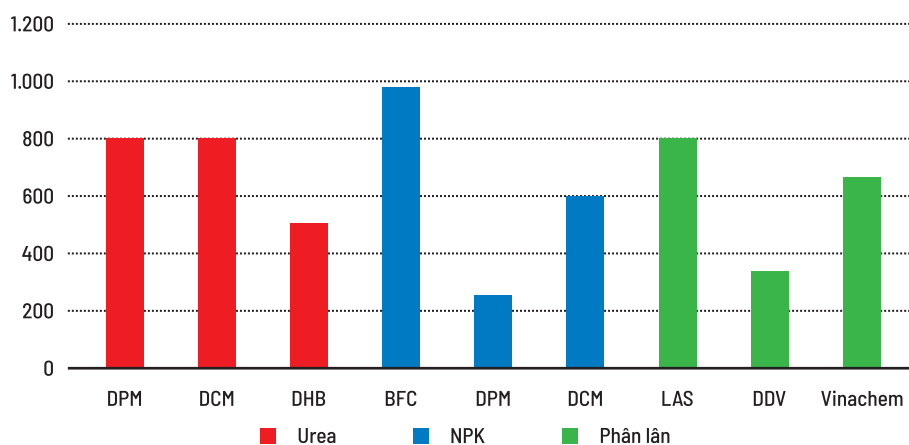


Nguồn: Chứng khoán Rồng Việt

Đáng chú ý, tổng công suất thiết kế NPK trong nước gần 4 triệu tấn/năm, hiệu suất hoạt động trung bình ngành qua các năm dao động từ 49% đến 60%, cho thấy hầu hết các công ty sản xuất nội địa đều đang gặp tình trạng dư thừa công suất.

CÔNG SUẤT THIẾT KẾ CÁC CÔNG TY SẢN XUẤT PHÂN BÓN TẠI VIỆT NAM

Đơn vị tính: Nghìn tấn

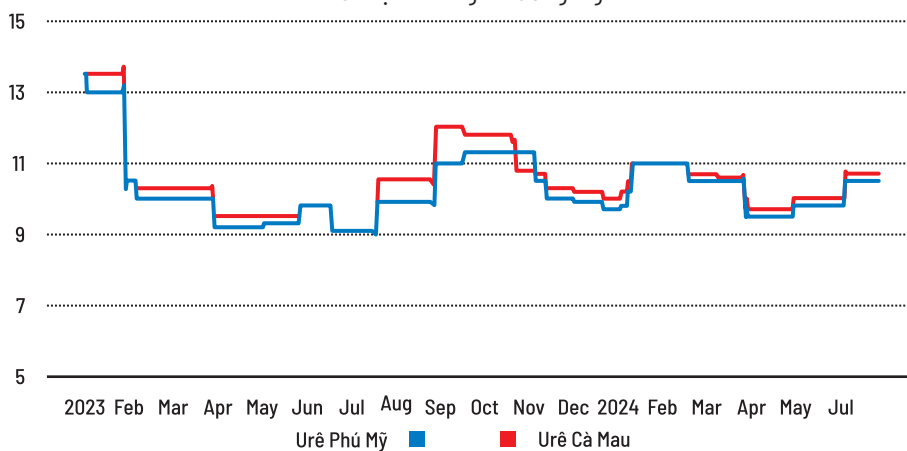


Nguồn: Chứng khoán Rồng Việt

Mặc dù nguồn cung ngày càng tăng mạnh nhưng hoạt động mua bán trên thị trường khá trầm lắng, giá phân bón ure trong tháng qua có xu hướng tăng nhẹ trong đầu tháng do nhu cầu bón phân tăng trước mùa vụ gieo trồng mới, sau đó có xu hướng đi ngang trong suốt tháng.

### DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN URE TRONG NƯỚC TỪ ĐẦU NĂM 2024 ĐẾN NAY

Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg



Nguồn: Wigroup

## 3.2. Dự báo

### 3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo nguồn cung ure thế giới trong năm 2024 được đảm bảo chủ yếu từ các nước xuất khẩu lớn như Trung Quốc và Nga.

Ngoài ra, với nhu cầu nhập khẩu từ các nước lớn giảm trong năm 2024, trong khi nguồn cung từ Trung Quốc và Nga vẫn hiện hữu, Hiệp hội lương thực thế giới (IFA) dự báo giá ure có thể dao động từ 320 - 350 USD/tấn trong năm 2024, không chênh lệch quá nhiều so với mức trung bình 358 USD/tấn trong năm 2023.

### 3.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo 2024 là một năm ổn định đối với ngành phân bón do giá bán và sản lượng tiêu thụ không còn nhiều dư địa tăng trưởng. Sản lượng tiêu thụ ure nội địa dự báo sẽ tương đương 2023, vì giá bán trong nước cao hơn giá thế giới khoảng 5% - 10%, do đó nguồn phân bón nhập khẩu giá rẻ hơn có thể gây áp lực cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước.

Bên cạnh đó, triển vọng xuất khẩu không còn nhiều khi nguồn cung thế giới được đảm bảo và tổng công suất sản xuất phân bón nội địa đã vượt hoặc gần như tương đương nhu cầu tiêu thụ mỗi năm, khiến thị trường phân bón gần như bão hòa, cơ hội gia tăng sản lượng từ nhu cầu tăng là không lớn. Do đó, dự báo giá ure nội địa trong năm 2024 có thể giảm từ 3% - 5% với cùng kỳ, tương quan với diễn biến giá ure thế giới.

Đặc biệt, trong năm nay nếu dự thảo Luật thuế VAT sửa đổi được kỳ vọng sẽ giúp các doanh nghiệp trong nước cạnh tranh tốt hơn với phân bón nhập khẩu nhờ giá thành giảm.

## **4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN**

### **4.1. Thông tin trong kỳ**

#### **4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Trong tháng 7, tình trạng thiếu điện trầm trọng xảy ra tại nhiều nơi trên thế giới do thiếu hụt nguồn cung, điều này đã khiến nhiều khu vực phải đối mặt với tình trạng cắt điện luân phiên và giá điện tăng cao.

Tại Mỹ, nhu cầu và giá điện đã tăng vọt do thời tiết nắng nóng và nhu cầu điện tăng mạnh từ các trung tâm dữ liệu.

Tại châu Á, nhiệt độ cao cũng đã khiến nhu cầu điện tăng thêm, một loạt các nhà máy điện nhiệt tại nhiều quốc gia đã được đưa vào hoạt động bổ sung trong tháng qua.

Bên cạnh đó, tình trạng thiếu điện vẫn xảy ra ở nhiều quốc gia như Pakistan, Syria, Ukraina...do chiến sự kéo dài.

Trong khi đó, tại Thụy Sĩ, giá điện đã giảm xuống đến âm 400 euro (âm 436 USD)/MWh vào ngày 14/7 khi nhu cầu tiêu thụ điện yếu và sản lượng điện mặt trời đạt đỉnh điểm.

#### **4.1.2. Thị trường trong nước**

Nhu cầu tiêu thụ điện trong nước tăng mạnh trong tháng 7 đã khiến giá điện sinh hoạt tăng 1,39% so với tháng trước.

Công suất cực đại toàn hệ thống điện ước tính trên 52.000 MW, sản lượng tiêu thụ điện bình quân ngày toàn hệ thống ước đạt khoảng 920,5 triệu kWh/ngày, tăng 10,15% so với cùng kỳ năm 2023.

Đáng chú ý, ngày 3/7, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2024/NĐ-CP quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo với khách hàng sử dụng điện lớn. Đây là bước đi có tính đột phá trong lộ trình phát triển thị trường điện cạnh tranh ở Việt Nam, đồng thời giúp các doanh nghiệp sản xuất có cơ hội lựa chọn các nhà cung cấp điện để đạt được chứng chỉ sản xuất xanh.

### **4.2. Dự báo**

#### **4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực**

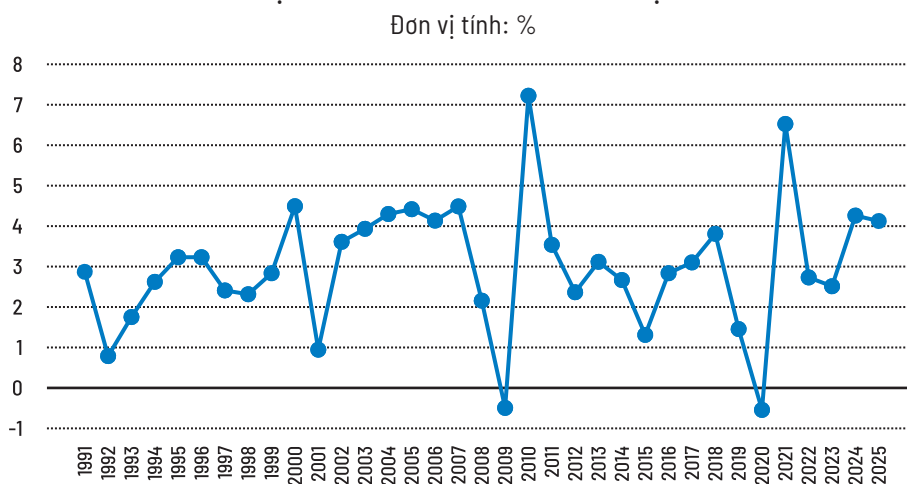
Ngày 19/7, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cho biết, nhu cầu điện toàn cầu năm nay sẽ tăng với tốc độ nhanh nhất trong gần 20 năm, do nhu cầu về điều hòa không khí ngày càng tăng khi nhiệt độ tăng.

Xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục đến năm 2025 và sẽ hỗ trợ việc sử dụng năng lượng than liên tục, ngay cả khi sản lượng năng lượng tái tạo tăng lên.

Bên cạnh đó, IEA cho biết, nhu cầu điện ngày càng tăng từ trí tuệ nhân tạo (AI) cũng đang thu hút sự chú ý đến mô hình nhu cầu từ các trung tâm dữ liệu, đặt ra câu hỏi về việc triển khai, dự báo nhu cầu và hiệu quả năng lượng cùng nhiều vấn đề khác.

IEA dự báo mức tiêu thụ điện toàn cầu dự kiến sẽ tăng khoảng 4% vào năm 2024, đây sẽ là tốc độ tăng trưởng lớn nhất kể từ năm 2007, và xu hướng dự kiến sẽ tiếp tục với tốc độ tương tự vào năm 2025, so với mức tăng 2,5% vào năm 2023.

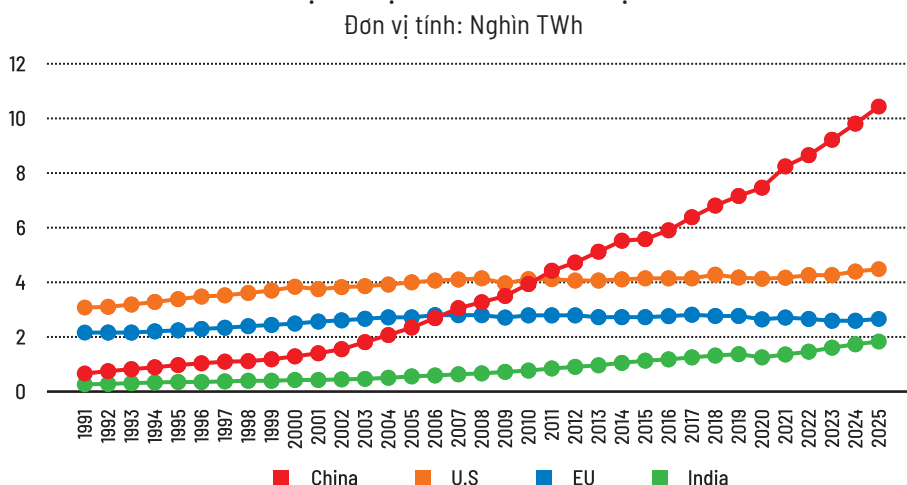
TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG  
NHU CẦU ĐIỆN TOÀN CẦU THEO NĂM GIAI ĐOẠN 1991-2025



Nguồn: IEA

Xét theo khu vực, IEA dự báo Ấn Độ sẽ dẫn đầu về tăng trưởng mức tiêu thụ điện trong năm tới, tăng khoảng 8% vào năm 2024 trong khi Trung Quốc dự kiến sẽ đạt tốc độ tăng trưởng 6% trong năm 2024. Mức tiêu thụ điện Liên minh châu Âu dự kiến sẽ phục hồi sau hai năm suy thoái với mức tăng trưởng 1,7%, nhưng vẫn chưa chắc chắn về tốc độ sẽ tiếp tục như thế nào, trong khi Mỹ cũng sẽ phục hồi trở lại 3% sau khi suy giảm vào năm 2023 do thời tiết ôn hòa.

NHU CẦU ĐIỆN Ở MỘT SỐ VÙNG GIAI ĐOẠN 1991-2025

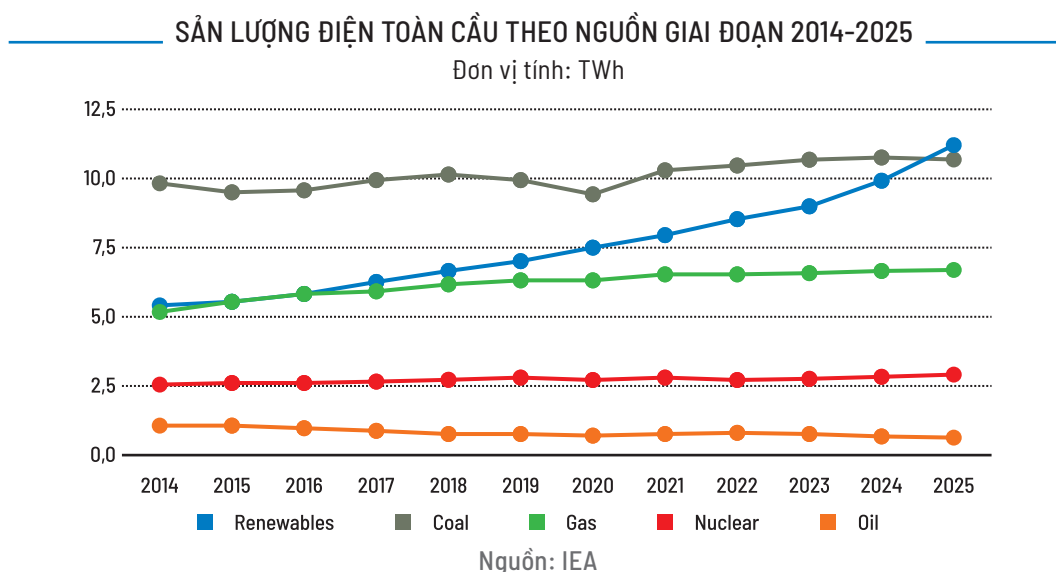


Nguồn: IEA

Đặc biệt, IEA dự báo các nguồn điện tái tạo cũng sẽ được thiết lập để mở rộng nhanh chóng trong năm nay và năm sau, với thị phần cung cấp điện toàn cầu dự kiến sẽ tăng từ 30% vào năm 2023 lên 35% vào năm 2025. Lượng điện được tạo ra bởi các nguồn năng lượng tái tạo trên toàn thế giới vào năm 2025 được dự báo sẽ vượt qua lượng điện được tạo ra bởi than lần đầu tiên. Riêng điện mặt trời PV dự kiến sẽ đáp ứng khoảng một nửa mức tăng trưởng nhu cầu điện toàn cầu trong giai đoạn 2024 và 2025 - trong khi điện mặt trời và điện gió kết hợp đáp ứng tới ba phần tư mức tăng trưởng.

Mặc dù vậy, theo IEA sản lượng nhiệt điện than toàn cầu dự báo tăng ít nhất 1% trong năm nay, tùy thuộc vào tình hình sản lượng thủy điện, đặc biệt là ở Trung Quốc.

IEA ước tính, tiêu thụ than toàn cầu tăng 2,6% vào năm 2023, đạt mức cao nhất mọi thời đại, do sự tăng trưởng mạnh mẽ ở Trung Quốc và Ấn Độ, hai nước tiêu thụ than lớn nhất. Trong khi nhu cầu than tăng ở cả lĩnh vực điện và sản xuất công nghiệp, động lực chính là việc sử dụng than là do sản lượng thủy điện thấp và nhu cầu điện tăng nhanh.



#### 4.2.2. Thị trường trong nước

Trong những tháng cuối năm 2024, nhu cầu điện trong nước được dự báo sẽ tiếp tục tăng cao do sự phục hồi của nền kinh tế và nhu cầu sử dụng điện tăng cao trong những tháng nắng nóng.

Nguồn cung điện, nhiệt điện than và khí dự báo tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, đặc biệt là trong các tháng cao điểm.

Bên cạnh đó, các dự án điện khí và điện khí hóa lỏng (LNG) theo Quy hoạch Điện VIII, đến năm 2030 được dự báo sẽ đóng góp quan trọng vào nguồn cung điện của Việt Nam. Tổng công suất lắp đặt của các nhà máy điện khí và LNG dự kiến đạt 37,33 GW, chiếm khoảng 24,8% tổng công suất điện của cả nước.





PHẦN IV

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 7/2024 với nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo đang tạo ra nhiều thách thức và cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng như PVN. Điều này đòi hỏi PVN cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

*Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho PVN, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:*

- *Tiến hành đa dạng hóa các kênh truyền thông và hình thức quảng bá nhằm gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu của Tập đoàn thông qua việc sử dụng kết hợp các phương tiện truyền thông truyền thống như báo chí, truyền hình với các kênh truyền thông kỹ thuật số như mạng xã hội, website, các nền tảng trực tuyến... Ngoài ra, tận dụng các sự kiện và hội nghị ngành để nâng cao sự hiện diện và uy tín của thương hiệu trên trường quốc tế.*
- *Xây dựng hệ thống quản lý rủi ro toàn diện để phát hiện và ứng phó kịp thời với các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.*
- *Liên tục cải tiến, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ mới nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đồng thời giúp Tập đoàn nhanh chóng thích ứng kịp thời với các yêu cầu và xu hướng của thị trường, từ đó gia tăng giá trị và sự hài lòng của khách hàng.*
- *Chủ động thiết lập và mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các công ty dầu khí và năng lượng hàng đầu thế giới, nhằm học hỏi kinh nghiệm, tiếp cận các công nghệ tiên tiến cũng như mở rộng cơ hội thu hút đầu tư và phát triển dự án quy mô lớn. Điều này không chỉ nâng cao năng lực cạnh tranh của Tập đoàn trên thị trường quốc tế mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các sáng kiến và chiến lược dài hạn.*
- *Tập trung toàn bộ nguồn lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn. Bên cạnh đó, tăng cường mở rộng và phát triển chuyên sâu các lĩnh vực cốt lõi của Tập đoàn như tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp khí, chế biến dầu khí, công nghiệp điện và năng lượng tái tạo, dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao.*
- *Đẩy mạnh công tác triển khai các dự án liên quan đến chuyển dịch năng lượng hóa thạch truyền thống sang các nguồn năng lượng xanh, sạch, hướng đến giảm phát thải khí nhà kính và chống biến đổi khí hậu như điện khí LNG, thu giữ và lưu trữ carbon (CCS)...*

# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 8/2024

## PHỤ LỤC I

### KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 7 NĂM 2024

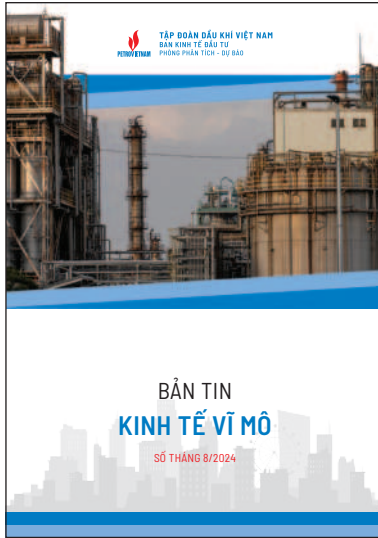
TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 7 năm 2024	7 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a					
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a		100,7	111,2	108,5	
3	<b>Hoạt động của doanh nghiệp</b>							
3.1	Thành lập mới	DN	14.700	139.500	93,7	107,3		105,8
3.2	Quay lại hoạt động	DN	6.800		126,2	99,3		
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN		125.500				110,7
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	6.837		126,2	99,3		
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	7.035		130,2	133,8		
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.730		77,6	109,4		
4	<b>Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội</b>	<b>Nghìn tỷ</b>						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	57,6	301,5	108,2	98,4		102,3
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		18				110,9
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD		12,55				108,4
5	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng</b>	<b>Nghìn tỷ</b>	<b>528,3</b>	<b>3.625,7</b>		<b>109,4</b>		<b>108,7</b>
6	<b>Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa</b>	<b>Tỷ USD</b>						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	35,92	226,98	106,7	119,1		115,7
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	33,8	212,9	111	124,7		118,5
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 2,12	Xuất siêu 14,08				
7	<b>Chỉ số giá</b>							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,48	104,36	104,12	101,89
7.2	Chỉ số giá vàng				99,88	129,39	124,77	118,11
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,05	107,14	105,85	104,22
7.4	Lạm phát cơ bản				100,36	102,61	102,73	

A: Tháng 7/2024 so với tháng 6/2024

B: Tháng 7/2024 so với tháng 7/2023

C: 7 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023

D: Tháng 7/2024 so với tháng 12/2023



Ảnh bìa: Ngành sản xuất toàn cầu sụt giảm tăng trưởng vào tháng 7/2024.

 Freepik



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**  
*phối hợp thực hiện*